

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

- Mã chứng khoán : SKG
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 187 đường Nguyễn Trung Trực, Kp5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3 980 111
- Fax : 0297 3 846 180
- Email : info@superdong.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2024. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 16/04/2025 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTN 2024.



Người đại diện theo pháp luật

PHAN HỒNG PHÚC



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**



(0297) 3846 180



187 Nguyễn Trung Trực,  
Khu phố 5, Phường Dương  
Đông, TP. Phú Quốc, Tỉnh  
Kiên Giang.



[www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)



**2024**  
**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC

## 01

### Thông tin chung

|   |    |
|---|----|
| Thông tin khái quát   | 07 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                    | 15 |
| Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 18 |
| Định hướng phát triển   | 21 |
| Các rủi ro  | 25 |

## 02

### Tình hình hoạt động trong năm

|   |    |
|---|----|
| Tình hình hoạt động kinh doanh                                  | 31 |
| Tổ chức và nhân sự  | 35 |
| Tình hình đầu tư thực hiện các dự án                            | 47 |
| Tình hình tài chính   | 48 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu              | 50 |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 53 |

## 03

### Báo cáo và đánh giá của Ban TGD

|  |    |
|--|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh  | 61 |
| Tình hình tài chính  | 63 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                          | 65 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai  | 67 |
| Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán                      | 67 |
| Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 68 |

## 04

### Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

|   |    |
|---|----|
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty           | 71 |
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty | 72 |
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị                            | 73 |

## 05

### Quản trị công ty

|  |    |
|--|----|
| Hội đồng quản trị  | 77 |
| Ủy ban kiểm toán   | 80 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán | 82 |

## 06

### Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

|                                      |    |
|--------------------------------------|----|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 91 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 93 |
| Bảng cân đối kế toán                 | 94 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 96 |
| Bảng lưu chuyển tiền tệ              | 97 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính    | 98 |

Vui lòng tải hoặc xem

Báo cáo thường niên năm 2024

của CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang tại:

Link: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

Hoặc quét mã QR dưới đây



# PHẦN 01

## THÔNG TIN CHUNG

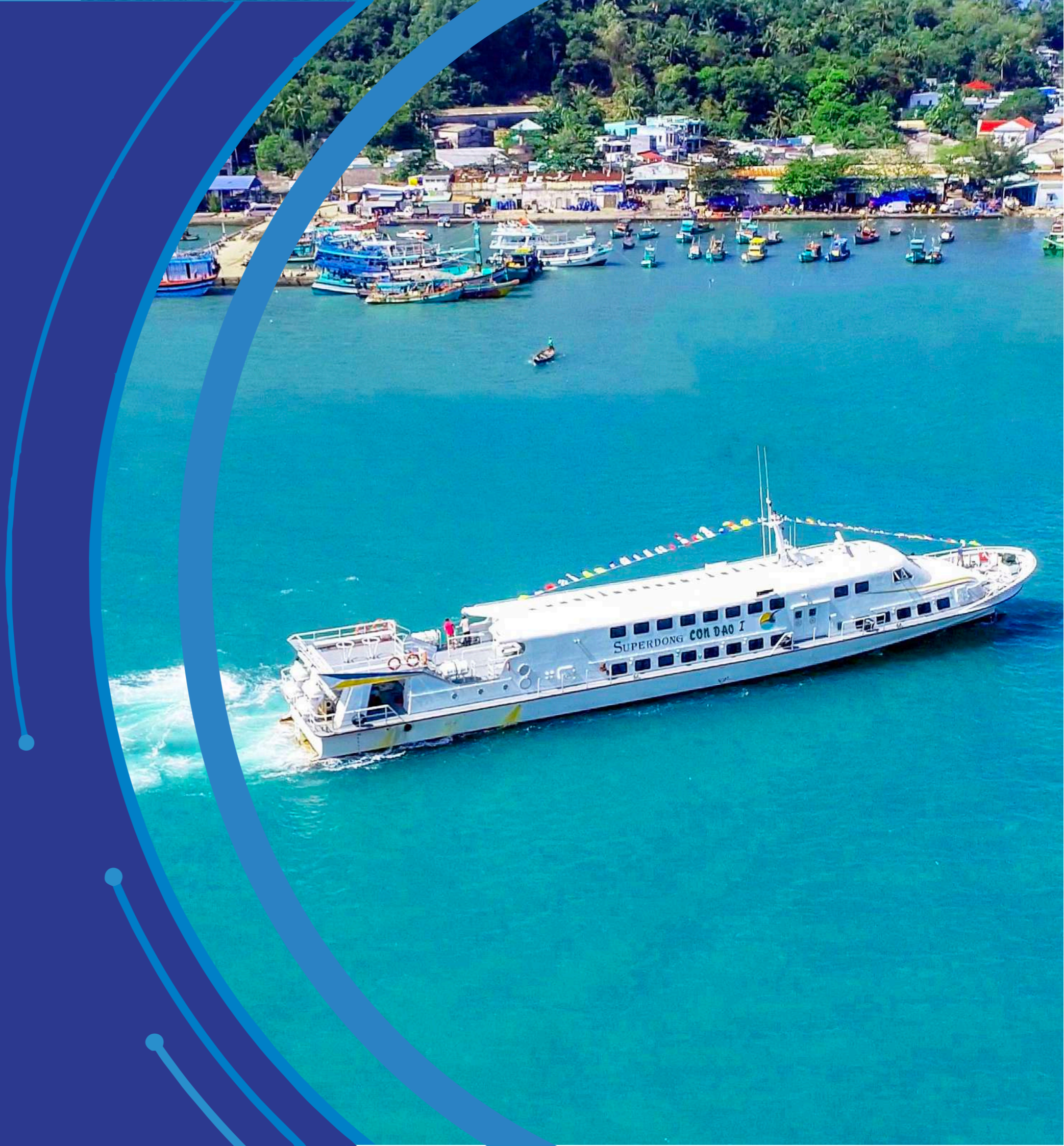
Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



# Thông tin khái quát

Tên giao dịch

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

### Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới hoạt động của SKG bao gồm 01 trụ sở chính, 01 Văn phòng đại diện, 04 chi nhánh và các phòng vé.

### Trụ sở chính

187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 do Ban quản lý ĐTPT đảo Phú Quốc cấp ngày 22/01/2010 và đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư ngày 04/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/07/2024.

Vốn điều lệ

**664.976.970.000** đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

**664.976.970.000** đồng

Tổng số cổ phần đã phát hành  
và niêm yết

**66.497.697** cổ phần



Mã cổ phiếu

**SKG**

|               |   |
|---------------|---|
| Địa chỉ       | 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. |
| Website       | www.superdong.com.vn  |
| Số điện thoại | (0297) 3980 111   |
| Hotline       | 0941 130 033  |
| Số fax        | (0297) 3 846 180  |
| Email         | info@superdong.com.vn   |

# Thông tin tổ chức kinh doanh

## TRỤ SỞ CHÍNH

187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Website: www.superdong.com.vn

Email: info@superdong.com.vn

ĐT: (0297) 3980 111

Hotline: 0919 664 660

## VPĐD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 610 Điện Biên Phủ, phường 10, Quận 10, TP. HCM.

SĐT: (028) 3866 6333

Email: saigon.sales@superdong.com.vn

## PHÒNG VÉ LẠI SƠN

Ấp Bãi Nhà, xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

SĐT: (0297) 3830 555 - 091 1541 331

## PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ

Số 01 Lô 4, Đường 3/2, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá.

SĐT: (0297) 3877 742

Email: rachgia.sales@superdong.com.vn

## PHÒNG VÉ HÀ TIÊN

Số 11 Trần Hữu, phường Bình San, TP. Hà Tiên.

SĐT: (0297) 3955 933

Email: hatien.sales@superdong.com.vn

## PHÒNG VÉ HÒN NGHỆ

Tổ 1, ấp Bãi Nam, xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

SĐT: 094 7624 365

## PHÒNG VÉ TRẦN ĐỀ

Ấp Đầu Giồng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Bến Cảng Superdong Trần Đề - Sóc Trăng.

SĐT: (0299) 3843 888/ (0299) 3843 999

## PHÒNG VÉ NAM DU

Xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

SĐT: (0297) 3890 389/ (0297) 3777 989

## PHÒNG VÉ PHAN THIẾT

Số 169 Võ Thị Sáu, phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

SĐT: (0252) 3817 337 / (0252) 3817 338

Đường dây nóng: 0946 198 768

Email: phanthiet.sales@superdong.com.vn

## PHÒNG VÉ CÔN ĐÀO

Đường Trần Phú, khu 6, Thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

SĐT: (0254) 3630 138/ (0254) 3630 139

## PHÒNG VÉ PHÚ QUÝ

Số 11 Ngô Quyền, thôn Triều Dương, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.

SĐT: (0252) 3765 999/ (0252) 3768 666

## PHÒNG VÉ SÓC TRĂNG

Số 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng.

SĐT: (0299) 3616 111

Hotline xe buýt: 0916 294 399

Email: soctrang.sales@superdong.com.vn

## PHÒNG VÉ CẦN THƠ

Số 62B đường Võ Nguyên Giáp, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.

SĐT: 0886 712 233

# Quá trình hình thành và phát triển

## 2012 - 2015

**2012:** Trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ là 174.748.540.000 đồng.

**2014:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM ra Quyết định số 185/QĐSGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang, mã chứng khoán: SKG.

**2015:** Hoạt động tuyến Rạch Giá - Nam Du, khai trương dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc). Hoạt động với 08 tàu cao tốc.

## 2010

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang, hoạt động với 03 tàu cao tốc.

## 2007

Công ty được thành lập và đi vào hoạt động với tên gọi là Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang và vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 9,6 tỷ đồng, hoạt động khai thác tuyến Rạch Giá - Phú Quốc với tàu cao tốc Superdong I.

## 2017

Khai trương tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo và chính thức khai thác tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc (bến Bãi Vòng).

## 2018

Khai trương tuyến hoạt động mới Phan Thiết - Phú Quý. Hoạt động với 17 tàu cao tốc và phà.

## 2019 - 2020

**2019:** Mở tuyến mới Phú Quốc - Nam Du. Hoạt động với 18 tàu cao tốc và phà.

**2020:** Khai trương tuyến Rạch Giá - Hòn Nghệ.

## 2021 - 2022

**2021:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, cũng như đưa vào vận hành hiệu quả hệ thống đặt vé trực tuyến và chính thức phát hành hóa đơn điện tử.

**2022:** Chính thức hoạt động trở lại tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo. Thực hiện việc triển khai các chương trình ưu đãi dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ đặt vé trực tuyến.

## 2023

Khai trương tuyến trình mới Hà Tiên - Nam Du và tái hoạt động tuyến trình Phú Quốc - Nam Du.

## 2024

Khai trương tuyến tàu cao tốc mới Hà Tiên - Tiên Hải.

# Thành tích và giải thưởng đạt được

| Nơi cấp   | Nội dung  |
|---|---|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.  | CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2024.  |
| Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư. | Top 5 doanh nghiệp Quản trị Công ty Tốt nhất – Nhóm vốn hóa nhỏ.  |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.  | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2023.  |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.  | Thư cảm ơn CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã góp cho Thư viện huyện các đầu sách mới, góp phần thúc đẩy việc hình thành văn hóa đọc và sự phát triển bền vững.   |
| Báo Người lao động.   | Thư cảm ơn CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã đồng hành cùng chương trình “Tự hào cờ tổ quốc” trong chuyến công tác tại đảo tiền tiêu Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.   |
| Cục hàng hải Việt Nam.  | Giấy khen Tập thể thuyền viên Tàu Superdong Phú Quý I đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp tìm kiếm, cứu nạn các thuyền viên trên tàu Xuyên Á 126 và phương tiện LA-05922 tại vùng nước cảng biển Bình Thuận năm 2023. |
| Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (Chi nhánh Côn Đảo) đã có thành tích tiêu biểu trong hoạt động ngành du lịch năm 2022.  |
| Trung tâm Y tế Phú Quốc.  | Thư cảm tạ CTCP Tàu Cao tốc Superdong – Kiên Giang đã hỗ trợ một phần kinh phí cho Trạm Y tế xã Hàm Ninh làm mái che.   |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.  | Giấy chứng nhận CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2021.  |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.  | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương giai đoạn 2019 – 2020.                       |
| Cục thuế tỉnh Bình Thuận.   | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.   |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.  | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019.  |
| Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang.  | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019.  |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.  | CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019.  |

| Nơi cấp   | Nội dung  |
|---|---|
| Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận.   | Cảm tạ Tấm lòng vàng.   |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.  | Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018.   |
| Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.   | Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên.  |
| Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.   | Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017.   |
| Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Sóc Trăng.   | Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017.  |
| Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam.  | Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam 2017.  |
| Forbes Việt Nam.  | Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất.   |
| Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang.   | Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang.  |
| Hiệp hội VAFE.  | Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.  |
| Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE), CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn). | Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016. |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.  | Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014.  |
| Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp.   | Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014.   |
| Sở Công thương tỉnh Kiên Giang.   | Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013.  |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.  | Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012.   |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.  | Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011.  |

# Hoạt động nổi bật năm 2024



Đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2024



Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất



Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất



Công ty trao quà trung thu cho học sinh theo chương trình "Trao gửi yêu thương"



Superdong tài trợ vé cho trường Đại học Y Dược



Sự kiện kỷ niệm 21 năm thành lập Công ty



Hội thao Công nhân - Viên chức - Lao động TP. Rạch Giá



Công ty tặng tập và tủ sách cho Trường TH & THCS Tiên Hải



# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh



### Ngành nghề kinh doanh chính:

Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển; Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hành khách và hàng hóa đường bộ; Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

### Các ngành nghề khác:

**Nhằm củng cố và thích ứng với bối cảnh mới trong hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải đến các đảo du lịch, Công ty đã đăng ký mở rộng thêm một số ngành nghề sau:**

Khách sạn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa (kinh doanh có điều kiện); Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động vui chơi giải trí khác; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kinh doanh khai thác cảng biển (kinh doanh có điều kiện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (kinh doanh có điều kiện); Vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và viễn dương.

Xu hướng du lịch biển đảo đang dần hình thành, mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các ngành dịch vụ, đặc biệt là vận chuyển hành khách và hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy tiềm năng to lớn này, Công ty tập trung khai thác dịch vụ vận tải bằng phương tiện cao tốc nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và du lịch trong khu vực.

Hiện nay, Công ty dẫn đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc, phục vụ hành khách đến các đảo thông qua các tuyến sau:

Tuyến Hà Tiên - Tiên Hải: Tàu cao tốc Superdong I;

Tuyến Rạch Giá - Lại Sơn - Nam Du: Tàu cao tốc Superdong II, IV;

Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, V, VIII;

Tuyến Rạch Giá - Lại Sơn: Tàu cao tốc Superdong VI, X, XII;

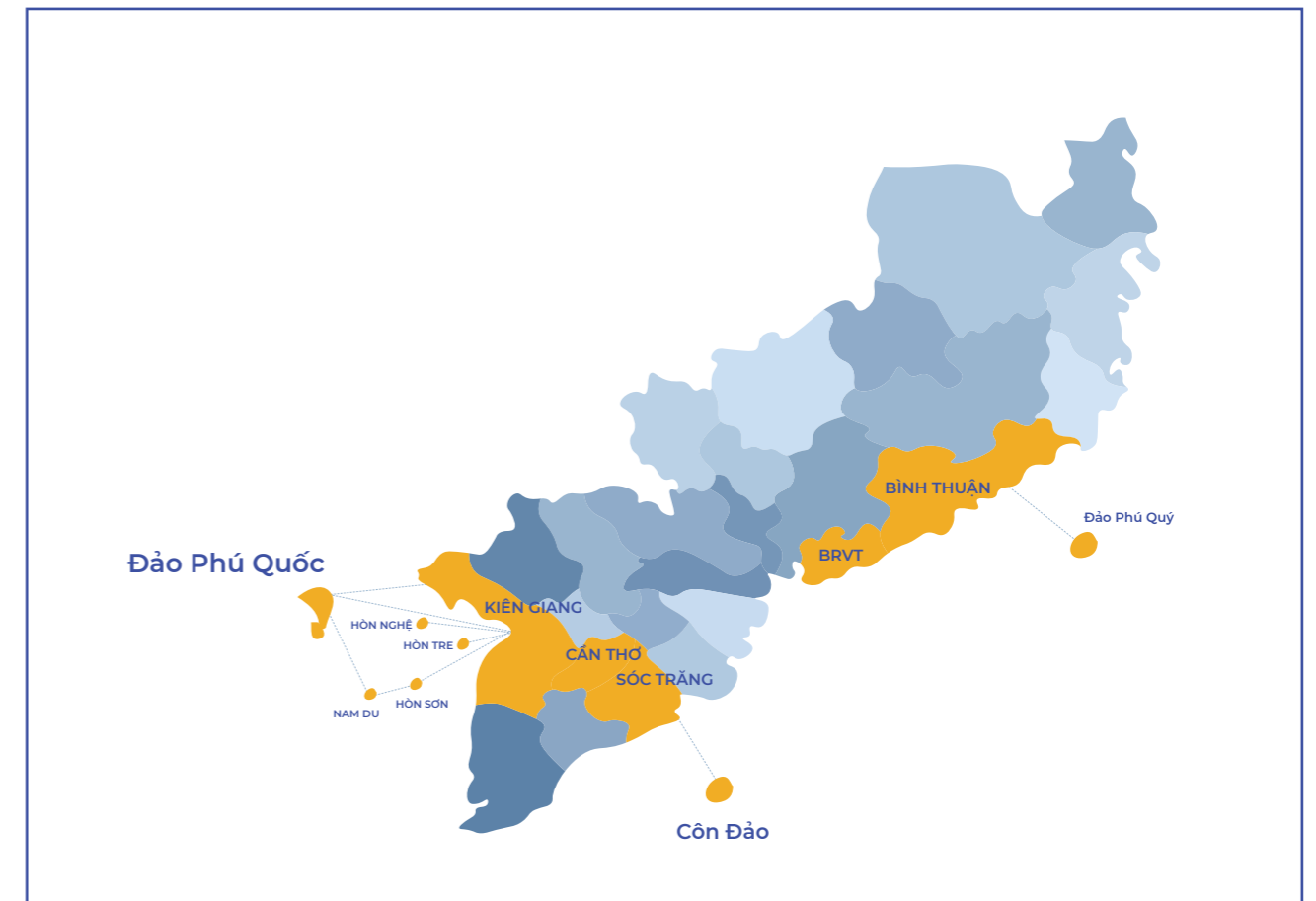
Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong VII, IX, XI;

Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Con Dao I, Superdong Con Dao II;

Tuyến Phan Thiết - Phú Quý: Tàu cao tốc Superdong Phu Quy I, Superdong Phu Quy II.

## Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện đang hoạt động tại các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển, với phạm vi hoạt động trải rộng tại Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ và Bình Thuận.



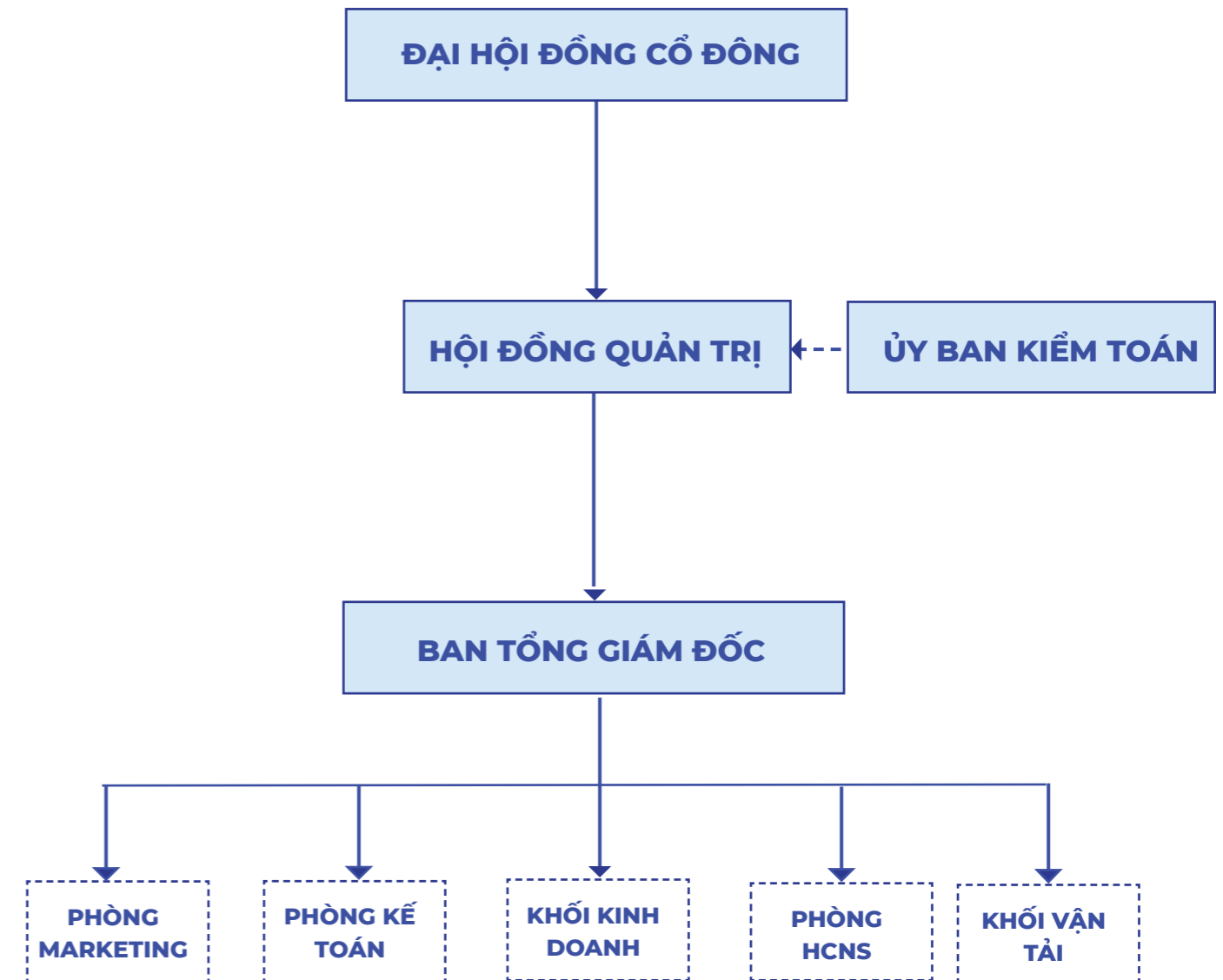
## Công suất các tàu

| STT | Tàu                      | Thời gian chạy  | Công suất máy chính | Sức chứa tối đa (hành khách) | Tốc độ (hải lý/giờ) | Số thuyền viên (người) |
|-----|--------------------------|-----------------|---------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | Tàu Superdong I          | 35 phút         | 1600 HP             | 171                          | 20                  | 9                      |
| 2   | Tàu Superdong II         | 2 tiếng 15 phút | 759 kw x 2          | 261                          | 25,5                | 10                     |
| 3   | Tàu Superdong III        | 1 tiếng 15 phút | 1040 kw x 2         | 306                          | 27                  | 11                     |
| 4   | Tàu Superdong IV         | 2 tiếng 10 phút | 1040 kw x 2         | 306                          | 27                  | 11                     |
| 5   | Tàu Superdong V          | 1 tiếng 15 phút | 759 kw x 2          | 157                          | 25                  | 10                     |
| 6   | Tàu Superdong VI         | 1 tiếng 20 phút | 759 kw x 2          | 275                          | 25                  | 10                     |
| 7   | Tàu Superdong VII        | 2 tiếng 20 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 28,5                | 10                     |
| 8   | Tàu Superdong VIII       | 1 tiếng 10 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 28,5                | 10                     |
| 9   | Tàu Superdong IX         | 2 tiếng 15 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 29,2                | 11                     |
| 10  | Tàu Superdong X          | 1 tiếng 05 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 30                  | 10                     |
| 11  | Tàu Superdong XI         | 2 tiếng 15 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 29,5                | 10                     |
| 12  | Tàu Superdong XII        | 1 tiếng 05 phút | 1210 kw x 2         | 275                          | 30                  | 10                     |
| 13  | Tàu Superdong Côn Đảo I  | 2 tiếng 20 phút | 1040 kw x 2         | 306                          | 25                  | 11                     |
| 14  | Tàu Superdong Côn Đảo II | 2 tiếng 20 phút | 1040 kw x 2         | 306                          | 25                  | 12                     |
| 15  | Tàu Superdong Phú Quý I  | 2 tiếng 15 phút | 1210 kw x 2         | 306                          | 26                  | 11                     |
| 16  | Tàu Superdong Phú Quý II | 2 tiếng 15 phút | 1210 kw x 2         | 246                          | 26                  | 10                     |

## Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



### Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết tính tới thời điểm hiện tại.

**ĐỊNH HƯỚNG**  
**PHÁT TRIỂN**



# CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

“ Với 20 năm gắn bó cùng hành trình kết nối biển đảo và đất liền, Công ty thấu hiểu rằng, trong nhịp sống hiện đại, nhu cầu giải trí và du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng. Chúng tôi không chỉ cung cấp phương tiện di chuyển, mà còn mang đến những trải nghiệm trọn vẹn, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Điều này được thể hiện rõ nét qua 6 giá trị cốt lõi mà Công ty đã kiên định theo đuổi từ những ngày đầu thành lập: “Ổn định - Đúng giờ - Thoải mái - Tiện lợi - Đa dạng dịch vụ - Giá cả hợp lý”. Năm 2024, Superdong tập trung thực hiện bốn mục tiêu chiến lược then chốt:

## Củng cố vị thế dẫn đầu:

Sau hai thập kỷ không ngừng phát triển, Superdong đã khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy. Sự tin tưởng từ phía khách hàng và đối tác là minh chứng rõ ràng về uy tín và chất lượng dịch vụ của chúng tôi. Để tiếp tục giữ vững vị thế này, Công ty cam kết đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Đồng thời, chúng tôi không ngừng nghiên cứu, thấu hiểu nhu cầu của khách hàng để mở rộng mạng lưới tuyến tàu, đáp ứng tối đa sự đa dạng trong lựa chọn của khách hàng.

## Nâng tầm trải nghiệm khách hàng:

Với phương châm “khách hàng là trung tâm”, Công ty hiểu rằng trải nghiệm dịch vụ hoàn hảo bắt đầu từ những bước đầu tiên. Chúng tôi đẩy mạnh chuyển đổi số, tối ưu hóa các nền tảng trực tuyến, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin, đặt vé và thanh toán một cách nhanh chóng và thuận tiện. Việc tích hợp đa dạng các phương thức thanh toán số và triển khai các chương trình khuyến mãi hấp dẫn cũng là những nỗ lực nhằm mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

## Phát triển nguồn lực nội tại:

Công ty luôn coi trọng nguồn nhân lực, xem đó là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp. Chúng tôi xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự gắn kết, sáng tạo và học hỏi lẫn nhau. Thông qua các chương trình đào tạo định kỳ, chúng tôi không ngừng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên. Đồng thời, việc xây dựng chính sách quản lý hiệu quả, chế độ lương thưởng và lộ trình thăng tiến rõ ràng giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

## Trách nhiệm với môi trường và định hướng phát triển bền vững:

Ý thức sâu sắc về tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường biển, Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ nguồn nước và hệ sinh thái lên hàng đầu. Chúng tôi không ngừng nghiên cứu và áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Đây là trách nhiệm và là mục tiêu lâu dài của Superdong đối với sự phát triển bền vững.

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN & DÀI HẠN

Để củng cố vị thế dẫn đầu và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Công ty xác định các định hướng chiến lược sau:

- **Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ:** Công ty đặt mục tiêu mở rộng và đa dạng hóa dịch vụ vận tải, bao gồm việc phát triển dịch vụ phà cao tốc chở khách kết hợp hàng hóa, phương tiện, mở rộng thêm nhiều tuyến đường mới và cung cấp các dịch vụ trung chuyển, đưa đón và cá nhân hóa ngay trên phương tiện. Đồng thời, Công ty chú trọng phát triển hệ sinh thái dịch vụ tại cảng, đầu tư vào các dịch vụ hậu cần như ẩm thực, nghỉ dưỡng và giải trí nhằm mang đến trải nghiệm toàn diện và gia tăng giá trị cho khách hàng.
- **Ứng dụng công nghệ và xây dựng quan hệ đối tác:** Công ty xác định công nghệ là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển. Công ty đầu tư vào hệ thống đặt vé trực tuyến đa kênh, các hệ thống quản lý bằng phần mềm và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với các công ty du lịch, khách sạn và nhà hàng, tạo ra các gói dịch vụ tích hợp, mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- **Tăng cường năng lực và quản trị rủi ro:** Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh các hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận diện thương hiệu và thu hút khách hàng. Đồng thời, Công ty chú trọng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, bao gồm việc mua bảo hiểm và xây dựng các phương án dự phòng, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững. Công ty tin rằng, với chiến lược này, Công ty sẽ củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu trong ngành vận tải đường thủy và mang lại những giá trị tốt đẹp cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh kinh tế và xã hội không ngừng đổi mới, phát triển bền vững là một xu thế, là trách nhiệm cốt lõi của mỗi doanh nghiệp. Superdong không chỉ hướng đến thành công trong ngắn hạn mà còn đặt mục tiêu xây dựng một nền tảng vững chắc cho tương lai, nơi doanh nghiệp và cộng đồng cùng phát triển hài hòa và bền vững.

Để hiện thực hóa định hướng này, Công ty chú trọng giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái bằng cách đầu tư công nghệ hiện đại, ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch và áp dụng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Không dừng lại ở việc thích ứng với xu hướng xanh hóa, Superdong mong muốn tiên phong trong lĩnh vực vận tải biển bền vững, góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống.

**Superdong – Hướng đến sự phát triển bền vững**



### VỀ XÃ HỘI – CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh cam kết về môi trường, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách nhân sự. Chính sách nhân sự được xây dựng với cơ chế lương thưởng cạnh tranh, công bằng, tương xứng với năng lực và đóng góp của mỗi cá nhân. Superdong cam kết tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự phát triển của nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo, lộ trình thăng tiến rõ ràng, giúp mỗi nhân viên có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng và nâng cao hiệu suất lao động.

Không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh, Công ty còn tích cực tham gia các sáng kiến cộng đồng, thể hiện trách nhiệm với xã hội. Những chương trình như “Trung thu ấm áp”, trao tặng sách vở cho học sinh tại Trường Tiểu học & THCS Tiên Hải, tài trợ vé tàu cho sinh viên Đại học Y Dược là minh chứng rõ nét cho tinh thần sẻ chia. Thông qua những hoạt động này, Superdong mong muốn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, lan tỏa giá trị nhân văn và gắn kết chặt chẽ hơn với xã hội.

Với định hướng phát triển toàn diện, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, Superdong sẽ không ngừng củng cố vị thế, xây dựng lòng tin vững chắc trong lòng khách hàng, đối tác cũng như xã hội.

# CÁC RỦI RO



## Rủi ro kinh tế

Năm 2024 là một năm thể hiện sự ổn định và tiềm năng của nền kinh tế Việt Nam. Theo Tổng Cục Thống kê, năm 2024, tăng trưởng kinh tế đạt 7,09% GDP (vượt mục tiêu đề ra là 6 - 6,5% GDP), thuộc nhóm số ít các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Nhờ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ được điều hành hợp lý, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Lạm phát cũng được kiểm soát ở mức an toàn, tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm.

Ngành du lịch tiếp tục đóng góp tích cực vào nền kinh tế Việt Nam, với lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng trưởng 9,76% trong năm 2024. Theo thống kê từ Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt gần 17,5 triệu lượt, tăng 38,9% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 110 triệu lượt, tăng 1,6% so với cùng kỳ. Tổng thu từ du lịch đạt khoảng 840.000 tỷ đồng, tăng 23,8%, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của ngành sau thời gian gián đoạn bởi các yếu tố kinh tế và xã hội. Phú Quốc vẫn là điểm đến trọng điểm, thu hút du

khách quốc tế với hệ thống nghỉ dưỡng cao cấp và nhóm khách chi tiêu cao. Trong khi đó, các đảo như Hòn Sơn, Nam Du, Côn Đảo, Phú Quý hấp dẫn du khách nhờ vẻ đẹp hoang sơ và trải nghiệm độc đáo. Xu hướng du lịch bền vững ngày càng giúp các điểm đến này mở rộng tiềm năng phát triển.

Tuy kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định nhưng bức tranh kinh tế thế giới nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn cần phải vượt qua. Thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia. Cùng với đó, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp khi căng thẳng địa chính trị và cạnh tranh chiến lược leo thang ở một số quốc gia. Đặc biệt chiến sự ở các khu vực giàu dầu mỏ như cuộc xung đột Nga – Ukraine vẫn còn sức nóng, gây ảnh hưởng đến nguồn cung dầu và khiến giá dầu biến động bất thường, từ đó tác động đến giá nhiên liệu đầu vào của Công ty là dầu DO – chiếm khoảng 50% chi phí đầu vào của Công ty.

Trước bối cảnh kinh tế biến động, Ban Lãnh đạo Công ty chủ động theo dõi thị trường, đánh giá rủi ro và tận dụng cơ hội để linh hoạt điều chỉnh



## Rủi ro kinh tế (tt)

chiến lược kinh doanh. Công ty tập trung tối ưu hóa chi phí vận hành, đặc biệt là kiểm soát giá nhiên liệu, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách đầu tư nâng cấp đội tàu và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty mở rộng thị trường, đa dạng hóa nguồn doanh thu với các tuyến vận tải mới. Việc ứng dụng công nghệ vào quản lý cũng giúp nâng cao hiệu suất hoạt động. Đồng thời, Công ty linh hoạt thích ứng với xu hướng du lịch mới, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.



## Rủi ro thời tiết

Ngành vận tải đường thủy là một lĩnh vực kinh doanh phụ thuộc nhiều vào các điều kiện tự nhiên như thời tiết, đặc biệt là các yếu tố như mưa, bão, lũ lụt và nhiều yếu tố khác. Những hiện tượng này đều ảnh hưởng đến các hoạt động vận tải, bao gồm việc quy định lịch trình, tần suất hoạt động, an toàn, tiêu thụ nhiên liệu và trải nghiệm của khách hàng. Năm 2024, tình hình thời tiết nhìn chung trở xấu, các hiện tượng mưa to kèm theo gió lớn, mực nước biển dâng cao ảnh hưởng nặng nề đến đời sống sinh hoạt của người dân cũng như các hoạt động du lịch, vận tải đường thủy. Thời tiết khắc nghiệt kéo dài ở tháng 9 và tháng 12, làm ảnh hưởng đến các tuyến Phan Thiết - Phú Quý, Rạch Giá - Nam Du, Hà Tiên - Phú Quốc, Sóc Trăng - Côn Đảo... Cần nhắc đến tính khả thi của tuyến tàu và sự an toàn của hành khách cũng như sự điều động từ các cơ quan chức năng, Công ty đã tạm dừng nhiều tuyến tàu tại các thời điểm này. Tuy ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, nhưng với Công ty, sự an toàn của hành khách luôn là yếu tố phải được ưu tiên hàng đầu.

Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định về an toàn, theo dõi sát sao tình hình thời tiết và đưa ra các chiến lược ứng phó nhanh chóng, kịp thời. Đội ngũ nhân sự luôn được đào tạo chuyên môn, nâng cao kiến thức hàng hải, kỹ năng nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Bên cạnh đó, việc cải tạo hệ thống trang thiết bị, công suất và chất lượng phương tiện luôn được Công ty chú trọng, giúp đội tàu sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống khẩn cấp. Các chính sách quản lý an toàn cũng được thực hiện nghiêm ngặt như: mua bảo hiểm cho thân tàu, hành khách, thuyền viên; chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn hàng hải.

# Các rủi ro



## Rủi ro nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực vận tải biển, đặc thù riêng đòi hỏi nguồn nhân lực phải được đào tạo chuyên sâu, tích lũy kinh nghiệm liên tục và xuyên suốt. Tuy nhiên, với sự xuất hiện liên tục của các doanh nghiệp cùng ngành và mức thu nhập hấp dẫn từ các hãng tàu biển quốc tế chạy đường dài, nguồn nhân lực trong ngành vận tải biển luôn đối diện với tình trạng khan hiếm và cạnh tranh gay gắt.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách phúc lợi, đãi ngộ, đào tạo và môi trường làm việc ổn định, lâu dài và cạnh tranh. Chính sách này được xây dựng nhằm thu hút và giữ chân những nhân viên có trình độ chuyên môn cao, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường hoạt động. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng giúp Công ty đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và tối ưu hoá hoạt động kinh doanh.



## Rủi ro cạnh tranh

Với sự hỗ trợ từ chính sách gia hạn Visa mới, ngành du lịch Việt Nam đang thu hút được đông đảo hơn khách du lịch từ các vùng lân cận, đặc biệt là khách quốc tế đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc và Đông Âu. Đây sẽ là một cơ hội lớn đối với tổng quan ngành du lịch và vận chuyển biển đảo của Việt Nam, tuy nhiên cũng đồng nghĩa với việc ngày càng nhiều doanh nghiệp về cung cấp tour, phương tiện di chuyển được hình thành. Sức cạnh tranh về giá và sự không đồng đều trong dịch vụ cung cấp sẽ là trở ngại lớn đối với nhiều doanh nghiệp. Trải qua hơn 20 năm hoạt động và phát triển, Superdong hiểu rằng càng ở trong một môi trường cạnh tranh thì Công ty càng có động lực để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ. Chiến lược kinh doanh sắp tới của Công ty vẫn sẽ là “Đặt khách hàng làm trọng tâm”, từ đó tối ưu hóa nguồn lực để đưa đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất với giá cả phải chăng.



## Rủi ro nguyên vật liệu

Với doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải đường thủy như Superdong, giá nguyên liệu đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, khi dầu DO chiếm tới 50% tỷ trọng chi phí đầu vào. Năm 2024, giá dầu biến động mạnh do xung đột địa chính trị tại Trung Đông, Nga – Ukraine và bất ổn tại Syria, làm dấy lên lo ngại về gián đoạn nguồn cung. Ngoài ra, chính sách tiền tệ, biến động kinh tế và công suất lọc dầu của Mỹ, Trung Quốc cũng tác động đáng kể đến giá dầu. Theo Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, năm 2025, giá dầu có thể duy trì trong khoảng 65 - 80 USD/thùng do cán cân cung cầu thặng dư. Tuy nhiên, giá khó giảm sâu vì xung đột chính trị tiếp tục làm tăng chi phí rủi ro. Sự biến động này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vận hành của Công ty.

Để giảm thiểu tác động của biến động giá dầu đến biên lợi nhuận, Công ty đã tăng cường mối quan hệ hợp tác vững chắc với các nhà cung cấp uy tín tại địa phương để đảm bảo đầu vào nguyên liệu ổn định với giá cả cạnh tranh. Đồng thời, có đội ngũ chuyên trách theo dõi sát sao diễn biến của giá dầu để từ đó đưa ra các quyết định, chiến lược phù hợp. Công ty cũng thực hiện các hoạt động điều phối tàu hợp lý và linh hoạt hơn, chú trọng công tác bảo trì và nâng cao năng suất đội tàu để giảm thiểu tiêu tốn nhiên liệu.



## Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, việc thích ứng với sự thay đổi của các văn bản pháp luật như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng hải, ... là yếu tố then chốt giúp Superdong duy trì hoạt động ổn định. Trong bối cảnh pháp luật Việt Nam liên tục được hoàn thiện và điều chỉnh, Công ty luôn chủ động theo dõi, cập nhật các thay đổi pháp lý, đồng thời tổ chức các buổi trao đổi nhằm đề xuất giải pháp điều chỉnh quy trình, quy định nội bộ phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, Công ty cũng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn và cơ quan quản lý để nắm bắt sớm nhất những cập nhật quan trọng, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục, tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững.



## Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn đối mặt với rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, biến động chính trị, biến đổi khí hậu, ... Dù tần suất xảy ra không cao, nhưng mỗi sự cố đều tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo an toàn cho nhân sự cũng như duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, tránh xảy ra thiệt hại về tài sản, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn, cập nhật thông tin liên tục về tình hình thời tiết tại tuyến đường cũng như sử dụng các gói bảo hiểm an toàn trong lao động. Nhờ đó, các rủi ro bất khả kháng nêu trên được giảm về mức thấp nhất, củng cố sự an tâm của người lao động và ổn định của hoạt động kinh doanh.

# PHẦN 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





# Tình hình hoạt động trong năm

## Tình hình hoạt động kinh doanh

### Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                    | 2023    | TH 2024 | KH 2024 | % Tăng giảm | %TH 2024/<br>KH 2024 |
|-----------------------------|---------|---------|---------|-------------|----------------------|
| <b>Vốn điều lệ</b>          | 633.317 | 664.977 | 664.983 | 5,00%       | 100,00%              |
| <b>Doanh thu thuần</b>      | 409.409 | 381.114 | 431.376 | (6,91%)     | 88,35%               |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | 82.547  | 41.360  | -       | (49,9%)     | -                    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | 69.710  | 33.975  | 73.115  | (51,26%)    | 46,47%               |



Năm 2024 là một năm đầy thử thách đối với ngành vận tải đường thủy, khi tình hình thời tiết bất lợi ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu du lịch và khả năng khai thác tuyến tàu. Tình trạng mưa bão kéo dài trong Quý 3 và Quý 4, khiến một số tuyến tàu tại khu vực Kiên Giang và tuyến Phan Thiết – Phú Quý phải điều chỉnh giảm chuyến hoặc tạm ngừng hoạt động. Thêm vào đó, tổng cầu thị trường chính Phú Quốc có sự suy giảm do sự trầm lắng của thị trường bất động sản và các dự án đang được triển khai xây dựng cũng như hệ quả từ những thông tin không tích cực về giá cả dịch vụ hàng không và chất lượng dịch vụ tại một số khu vực. Trong khi đó, Công ty vẫn phải duy trì các khoản chi phí cố định, gây áp lực lớn lên lợi nhuận.

Giá dầu biến động mạnh, làm tăng đáng kể chi phí vận hành. Và Công ty cũng phải đối diện với sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị vận tải khác. Dù đối mặt với nhiều khó khăn khách quan, Công ty vẫn duy trì sự chủ động trong việc theo dõi sát sao thị trường và điều chỉnh chiến lược phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động ổn định. Doanh thu thuần của Công ty đạt 381,114 tỷ đồng, giảm 6,91% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 41,360 tỷ đồng, giảm 49,9%, trong khi lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 33,975 tỷ đồng, giảm 51,26%.



Dù gặp nhiều khó khăn, việc tăng vốn điều lệ đã thể hiện chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, giúp củng cố nền tảng tài chính để đầu tư mở rộng hoạt động trong tương lai. Công ty sẽ tiếp tục thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt, tối ưu hóa hiệu quả vận hành, đồng thời duy trì chất lượng dịch vụ để giữ vững vị thế hàng đầu trên thị trường vận tải du lịch đường thủy.

# Tình hình hoạt động trong năm

## Tình hình hoạt động kinh doanh

### Cơ cấu doanh thu từng tuyến

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục                                  | Năm 2023       |                | Năm 2024       |                |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
|  | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng       |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc</b>            | 61.604         | 15,05%         | 46.780         | 12,27%         |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc</b>           | 130.401        | 31,85%         | 113.857        | 29,88%         |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Nam Du</b>             | 47.658         | 11,63%         | 49.800         | 13,08%         |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Lại Sơn</b>            | 61.338         | 14,99%         | 59.771         | 15,68%         |
| <b>Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo</b>           | 53.543         | 13,09%         | 58.764         | 15,42%         |
| <b>Tuyến Phan Thiết - Phú Quý</b>          | 51.169         | 12,50%         | 48.323         | 12,68%         |
| <b>Tuyến Nam Du - Phú Quốc</b>             | 224            | 0,05%          | -              | 0,00%          |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Tiên Hải - Phú Quốc</b> | -              | 0,00%          | 1.911          | 0,49%          |
| <b>Tuyến Phú Quốc - Thổ Châu</b>           | 1.927          | 0,47%          | 705            | 0,18%          |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Nam Du</b>              | 76             | 0,02%          | -              | 0,00%          |
| <b>Bến Trần Đề</b>                         | 572            | 0,13%          | 524            | 0,14%          |
| <b>Xe trung chuyển</b>                     | 898            | 0,22%          | 680            | 0,18%          |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>409.409</b> | <b>100,00%</b> | <b>381.114</b> | <b>100,00%</b> |

### Cơ cấu lợi nhuận gộp từng tuyến

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục                                  | Năm 2023       |                | Năm 2024      |                |
|--|----------------|----------------|---------------|----------------|
|  | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị       | Tỷ trọng       |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc</b>            | 12.245         | 10,19%         | 2.008         | 2,31%          |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc</b>           | 41.106         | 34,23%         | 25.260        | 29,00%         |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Nam Du</b>             | 21.625         | 18,00%         | 19.872        | 22,81%         |
| <b>Tuyến Rạch Giá - Lại Sơn</b>            | 23.980         | 19,96%         | 17.100        | 19,64%         |
| <b>Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo</b>           | 14.855         | 12,36%         | 20.359        | 23,37%         |
| <b>Tuyến Phan Thiết - Phú Quý</b>          | 9.949          | 8,30%          | 7.179         | 8,24%          |
| <b>Tuyến Nam Du - Phú Quốc</b>             | 60             | 0,05%          | -             | 0,00%          |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Tiên Hải - Phú Quốc</b> | -              | 0,00%          | (573)         | (0,63%)        |
| <b>Tuyến Phú Quốc - Thổ Châu</b>           | 258            | 0,21%          | 119           | 0,14%          |
| <b>Tuyến Hà Tiên - Nam Du</b>              | 20             | 0,02%          | -             | 0,00%          |
| <b>Bến Trần Đề</b>                         | (2.511)        | (2,08%)        | (2.553)       | (2,93%)        |
| <b>Xe trung chuyển</b>                     | (1.496)        | (1,24%)        | (1.707)       | (1,95%)        |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>120.090</b> | <b>100,00%</b> | <b>87.064</b> | <b>100,00%</b> |

# Tổ chức và nhân sự

## Danh sách Thành viên HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên               | Chức vụ                      | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|--------------------------|------------------------------|--|-----------------|
|     |                          |                              | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch HĐQT                | 27/04/2023   | -               |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT            | 27/04/2023   | -               |
| 3   | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD     | 27/04/2023   | -               |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 27/04/2023   | -               |
| 5   | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên HĐQT              | 27/04/2023   | -               |
| 6   | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên HĐQT độc lập      | 27/04/2023   | -               |
| 7   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên HĐQT độc lập      | 27/04/2023   | -               |

## Lý lịch Thành viên HĐQT

### ÔNG PHAN HỒNG PHÚC

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 12/01/1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng; Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.

Quá trình công tác:

|                          |  |
|--------------------------|--|
| Từ 2003 - 2005:          | Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung Lập.   |
| Từ 2006 - 2007:          | Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Rỗng Lửa;<br>Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất.                                      |
| Từ 2008 - 2015:          | Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort;<br>Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ;<br>Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất. |
| Từ 2016 - 2023:          | Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam);<br>Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.                                   |
| Từ 04/2018 - 04/2023:    | Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.   |
| Từ 05/2018 - 04/2023:    | Chủ tịch Ủy ban kiểm toán CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.   |
| Từ 27/04/2023 - đến nay: | Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.   |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

### BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Ngày sinh: 07/04/1986

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

|                     |  |
|---------------------|--|
| Từ 2010 - 04/2018:  | Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.    |
| Từ 04/2018 đến nay: | Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang. |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 15.586 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 15.586 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Tên người có liên quan | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1   | Ông Âu Chí Toàn        | Chồng                    | 6.807              | 0,01%                 |



# Tổ chức và nhân sự

## Danh sách Thành viên HĐQT

### Lý lịch Thành viên HĐQT

#### BÀ NGUYỄN THỊ KIM HỒNG

Thành viên HĐQT kiêm  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 13/08/1979

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

#### Quá trình công tác:

|                     |   |
|---------------------|---|
| Từ 2001 - 2007:     | Quản lý sản xuất Công ty Lead Well Industrial Việt Nam.                         |
| Từ 2008 - 2010:     | Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan.                |
| Từ 2011 - 5/2016:   | Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.                        |
| Từ 06/2016 đến nay: | Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.                      |
| Từ 5/2023 đến nay:  | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang. |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 34.756 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 34.756 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Tên người có liên quan  | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|-------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Bột      | Cha ruột                 | 373                | 0,001%                |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Mẹ ruột                  | 373                | 0,001%                |
| 3   | Ông Võ Quang Lộc        | Chồng                    | 373                | 0,001%                |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Lợi      | Em rể                    | 146.779            | 0,22%                 |
| 5   | Ông Nguyễn Thanh Phong  | Em trai                  | 373                | 0,001%                |

#### ÔNG PUAN KWONG SIING

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 14/06/1965

Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp.

#### Quá trình công tác:

|                    |  |
|--------------------|--|
| Từ 1987 - 1989:    | Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD.   |
| Từ 1994 - 1999:    | Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD.  |
| Từ 1990 - 05/2014: | Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN. BHD.   |
| Từ 1990 đến nay:   | Thành viên HĐQT Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD.; Trillion Leader SDN. BHD.   |
| Từ 2008 - 2009:    | Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.  |
| Từ 2010 đến nay:   | Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;<br>Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang. |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN. BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD; Trillion Leader SDN. BHD

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 8.531.414 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 8.531.414 cổ phần, chiếm 12,83% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Tên người có liên quan                | Quan hệ với Người nội bộ  | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|---------------------------------------|---|--------------------|-----------------------|
| 1   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Ông Puan Kwong Siing là thành viên HĐQT Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | 3.957.012          | 5,95%                 |
| 2   | Ông Puan Chiong                       | Anh trai  | 3.228.828          | 4,86%                 |
| 3   | Bà Kong Mee Ling                      | Chị dâu   | 1.882.343          | 2,83%                 |
| 4   | Ông Bruce Ting Siaw Lung              | Em rể   | 9.775              | 0,01%                 |
| 5   | Ông Puan Zuo Hong                     | Con trai  | 16.380             | 0,02%                 |
| 6   | Ông Eric Yee Kuok Enng                | Anh rể  | 210                | 0,0003%               |

# Tổ chức và nhân sự

## Danh sách Thành viên HĐQT

### Lý lịch Thành viên HĐQT

#### BÀ HÀ NGUYỆT NHI

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 12/09/1981

Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.

#### Quá trình công tác:

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Từ 2003 - 2007:       | Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang.                         |
| Từ 2008 - 2009:       | Phó Phòng Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang..            |
| Từ 2010 - 2011:       | Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.               |
| Từ 04/2011 - 04/2014: | Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.               |
| Từ 2012 - 04/2014:    | Giám đốc Hành chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang. |
| Từ 04/2014 - 04/2023: | Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.                 |
| Từ 05/2023 đến nay:   | Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.               |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.736.724 cổ phần, chiếm 7,12% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 4.736.724 cổ phần, chiếm 7,12% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| STT | Tên người có liên quan | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1   | Bà Vương Lục Muội      | Mẹ                       | 373                | 0,001%                |
| 2   | Ông Hà Vĩ Bàn          | Anh trai                 | 36.264             | 0,05%                 |

#### ÔNG BÙI TIẾN ĐỨC

Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Ngày sinh: 25/08/1988

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp.

#### Quá trình công tác:

|                      |   |
|----------------------|---|
| Từ 2015 - 2019:      | Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT.                    |
| Từ 2020 đến nay:     | Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset.                 |
| Từ 2022 đến 04/2024: | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần CIC39.  |
| Từ 05/2023 đến nay:  | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang. |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty CP Chứng khoán Mirae Asset.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

#### BÀ NGUYỄN BÍCH NGHĨA

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

Ngày sinh: 16/04/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính.

#### Quá trình công tác:

|                      |  |
|----------------------|--|
| Từ năm 1999 đến nay: | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam.                                     |
| Từ năm 2016 đến nay: | Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình Phú Quốc.  |
| Từ 2016 đến 04/2024: | Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.                       |
| Từ 5/2023 đến nay:   | Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang. |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam;
- » Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình Phú Quốc.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- » Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- » Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

# Tổ chức và nhân sự

## Giới thiệu Ban Điều hành

Tính tại ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên             | Chức vụ                            | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Puan Kwong Siing   | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc     | 8.531.414          | 12,83%       |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | 34.756             | 0,052%       |
| 3   | Bà Bùi Thị Hồng Đào    | Kế toán trưởng                     | 0                  | 0,00%        |

## Lý lịch Ban Điều hành

### ÔNG PUAN KWONG SIING

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty.

### BÀ NGUYỄN THỊ KIM HỒNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty.



### BÀ BÙI THỊ HỒNG ĐÀO

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 22/10/1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán.

Quá trình công tác:

Từ 06/2007 - 05/2009: Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software.

Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng).

» Công ty Cổ phần Chúng Ta Đẹp;

Từ 06/2009 - 04/2014:

» Công ty TNHH Toàn Phúc;

» DNTN TM Thiện Kim;

» Cửa hàng Hưng Thuận.

Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng).

» Công ty Cổ phần YouNet;

» Công ty Cổ phần YouNet Media;

» Công ty Cổ phần YouNet Social Intranet;

» Công ty Cổ phần YouNet Digital;

» Công ty Cổ phần Buzz Metrics;

» Công ty Cổ phần Smart City;

» Văn phòng tại US - YouNet LLC.

Từ 09/2018 đến nay:

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

» Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

» Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

## Tổ chức và nhân sự (Tiếp theo)

### Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2024

Trong năm 2024, Công ty không có sự thay đổi trong Ban Điều hành.

### Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2024

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2024

| Tính chất phân loại      | Năm 2023                                   |                | Năm 2024         |                |        |
|--------------------------|--|----------------|------------------|----------------|--------|
|                          | Số lượng (người)                           | Tỷ trọng (%)   | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%)   |        |
| <b>Trình độ lao động</b> | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 109            | 33,13%           | 106            | 33,33% |
|                          | Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 80             | 24,32%           | 79             | 24,84% |
|                          | Sơ cấp và công nhân Kỹ thuật               | 105            | 31,91%           | 102            | 32,08% |
|                          | Trình độ lao động phổ thông                | 35             | 10,64%           | 31             | 9,75%  |
| <b>Giới tính</b>         | Nam  | 240            | 72,95%           | 231            | 72,64% |
|                          | Nữ   | 89             | 27,05%           | 87             | 27,36% |
| <b>Thời hạn hợp đồng</b> | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | 5              | 1,52%            | 2              | 0,63%  |
|                          | Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm            | 89             | 27,05%           | 95             | 29,87% |
|                          | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 235            | 71,43%           | 221            | 69,50% |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>329</b>                                 | <b>100,00%</b> | <b>318</b>       | <b>100,00%</b> |        |

### Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

| Năm  | Năm 2020   | Năm 2021   | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   |
|--|------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)                     | 392        | 339        | 322        | 329        | 318        |
| Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) | 10.800.857 | 10.488.062 | 12.095.478 | 13.909.150 | 16.446.225 |

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, Công ty luôn luôn chú trọng đến chính sách nhân sự. Xây dựng môi trường, văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội để nhân viên được phát triển.

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Công đoàn Công ty chăm lo đời sống cho người lao động tham gia tổ chức Công đoàn, thông qua các chính sách thăm hỏi người lao động như động viên trong các trường hợp nhân viên, gia đình có người ốm; tặng quà cho nhân viên khi cưới hỏi; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, trung thu, quà tặng nhân dịp sinh nhật, quà Tết.

Người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 tháng trở lên sẽ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định. Bên cạnh việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sau khi vượt qua khó khăn từ đại dịch Covid - 19, Công ty đã khôi phục và nâng cao các chính sách đãi ngộ và phúc lợi của nhân viên. Cụ thể, Công ty đã triển khai chương trình tặng vé mời và voucher giảm giá 20% cho người thân của cán bộ nhân viên, tạo cơ hội cho gia đình họ sử dụng những dịch vụ chất lượng. Đặc biệt, Công ty còn duy trì chính sách cấp vé miễn phí cho bản thân nhân viên và gia đình, bao gồm cha mẹ, vợ chồng và con cái khi có nhu cầu. Những chính sách này là minh chứng cho sự quan tâm sâu sắc đến đời sống của nhân viên và góp phần xây dựng môi trường làm việc gắn kết, thân thiện và hỗ trợ sự phát triển của mọi thành viên trong Công ty.



## Tổ chức và nhân sự (Tiếp theo)



### Chính sách tuyển dụng

Hàng năm, dựa trên kế hoạch hoạt động và các mục tiêu phát triển, Công ty lên kế hoạch tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho các dự án và hoạt động kinh doanh. Quy trình tuyển dụng luôn được xây dựng với ba nguyên tắc cơ bản: công khai, công bằng và bình đẳng, đảm bảo mọi ứng viên đủ điều kiện đều có cơ hội. Thông tin chi tiết về yêu cầu tuyển dụng sẽ được công khai trên Website của Công ty và các nền tảng tuyển dụng uy tín. Các ứng viên quan tâm có thể nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Nhân sự. Sau khi hồ sơ được xét duyệt, ứng viên sẽ tham gia vòng kiểm tra năng lực và phỏng vấn. Kết quả sẽ được thông báo nhanh chóng sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn.



### Chính sách đào tạo và phát triển nhân tài

Mỗi nhân viên đều mong muốn phát triển và hoàn thiện kỹ năng để làm việc tốt hơn và mở ra cơ hội thăng tiến trong công việc. Hiểu được điều này, Công ty luôn nỗ lực tạo ra môi trường học hỏi qua các chương trình đào tạo và huấn luyện chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách cho nhân viên được tạm ứng chi phí để tham gia các khóa đào tạo. Người lao động sau khi tham gia đào tạo, cam kết làm việc tại Công ty ít nhất thời gian 12 tháng và hoàn trả học phí tham gia đào tạo cho Công ty.

Vì sự phát triển bền vững trong tương lai, Công ty luôn tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng và phục vụ tốt cho công việc. Nhân viên, thuyền viên đảm bảo có trình độ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp, có kinh nghiệm chuyên sâu và kỹ năng tốt nhất để đáp ứng yêu cầu công việc.

Năm 2024, Công ty tổ chức triển khai hoạt động đào tạo cho người lao động tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng vào quý IV/2024. Tổng số giờ đào tạo 20 giờ/nhân viên, tổ chức tại 04 địa điểm, khu vực với 05 lớp (Rạch Giá, Hà Tiên, Sóc Trăng, Phan Thiết). Kết quả đào tạo thể hiện 100% nhân viên tham gia đào tạo đạt kết quả khá, giỏi.



### Chính sách an toàn và bảo hộ lao động

100% nhân viên và thuyền viên của Công ty được trang bị đầy đủ công cụ, trang thiết bị cần thiết để thực hiện công việc, bao gồm 03 bộ đồng phục mỗi năm. Mỗi nhân viên đều được đào tạo về an toàn lao động và được cung cấp bảo hộ lao động phù hợp, đảm bảo môi trường làm việc luôn sạch sẽ và an toàn. Công ty luôn duy trì một nền văn hóa làm việc chuyên nghiệp và có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân cho tất cả nhân viên, đồng thời đảm bảo mọi điều kiện làm việc đều đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn cao nhất. Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể nhân viên và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, để bảo vệ người lao động khỏi các rủi ro có thể phát sinh, Công ty tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự (P&I) cho tất cả thuyền viên và hành khách, đảm bảo quyền lợi của họ trong suốt thời gian làm việc và di chuyển trên tàu.

Tổng số lao động  
của Công ty cuối năm 2024

318

người



# Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

## Các khoản đầu tư lớn trong năm



Trong năm Công ty vẫn tiếp tục triển khai các dự án đầu tư các phương tiện mới và cải tiến đội tàu để gia tăng năng lực cạnh tranh cũng như đưa ra loại hình phương tiện mới nhằm phù hợp với tình hình mới của thị trường và đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của khách hàng. Dự án hoán cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII đã hoàn thành và đưa vào khai thác 03 tàu; 01 tàu còn lại hoàn thành và đưa vào khai thác trong Quý I/2025 để kịp thời phục vụ nhu cầu hành khách đang có xu hướng hồi phục và tăng trưởng trở lại.

## Các công ty con, công ty liên kết

Hiện tại, Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

# Tình hình tài chính

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                              | Năm 2023                   | Năm 2024        | % 2024/2023 |
|-----|---------------------------------------|----------------------------|-----------------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                  | 897.399                    | 898.722         | 100,15%     |
| 2   | Doanh thu thuần                       | 409.409                    | 381.114         | 93,09%      |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh     | 76.907                     | 39.599          | 51,49%      |
| 4   | Lợi nhuận khác                        | 5.640                      | 1.760           | 31,21%      |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                  | 82.547                     | 41.360          | 50,10%      |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                    | 69.710                     | 33.975          | 48,74%      |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trên VDL) | 5% tiền mặt và 5% cổ phiếu | 5% tiền mặt (*) | -           |

(\*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2024 và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2025 sắp tới.

# Tình hình tài chính

## Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu   | ĐVT  | Năm 2023 | Năm 2024 |
|--|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                           |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn  | Lần  | 35,87    | 34,43    |
| Hệ số thanh toán nhanh   | Lần  | 33,96    | 32,36    |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                    |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | %    | 1,71     | 1,60     |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | %    | 1,74     | 1,63     |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                            |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho   | Vòng | 9,85     | 9,97     |
| Vòng quay tổng tài sản   | Vòng | 0,46     | 0,42     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                             |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)                   | %    | 17,03    | 8,91     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)          | %    | 8,08     | 3,85     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)            | %    | 7,95     | 3,78     |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | %    | 18,78    | 10,39    |

# Tình hình tài chính

## Các chỉ tiêu tài chính



### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, hệ số thanh toán của Công ty có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2023, tuy nhiên vẫn duy trì ở ngưỡng an toàn, đảm bảo Công ty tránh được các rủi ro liên quan đến thanh khoản và vỡ nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt ghi nhận ở mức 34,43 và 32,36 lần, lần lượt giảm 4,01% và 4,70%. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, chủ yếu đến từ các khoản Phải trả người lao động và Phải trả người bán. Nhờ hạn chế phụ thuộc vào nguồn vốn vay, Công ty có được sự chủ động cao xuyên suốt các quyết định và chiến lược kinh doanh của mình.



### Chỉ tiêu về về cơ cấu vốn

Tính đến cuối năm 2024, Công ty không ghi nhận bất kỳ khoản vay nào trong cơ cấu nguồn vốn của mình. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty, bao gồm Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 1,60% và 1,63%, giảm gần 6,55% so với cùng kỳ năm trước. Công ty không phải chịu áp lực về chi phí lãi vay và tránh được rủi ro lãi suất, cũng như áp lực cân đối dòng tiền để thanh toán các khoản vay đáo hạn hay tìm kiếm nguồn tài trợ mới. Ngoài ra, khi có thay đổi về mặt chiến lược, Công ty vẫn còn nhiều dư địa để sử dụng nguồn vốn tự có nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh của mình mà không tiềm ẩn nhiều rủi ro về lãi vay.



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty năm 2024 duy trì ổn định so với năm 2023, lần lượt đạt 9,97 và 0,42 vòng. Công ty có sự linh hoạt trong việc tiếp nhận nhiên liệu và hàng hoá phục vụ cho hoạt động vận tải tránh được tình trạng lưu kho dài ngày. Ngoài ra, giá dầu DO trong năm có xu hướng tăng, lượng dầu tiêu thụ giảm khiến cho khoản mục Giá vốn hàng bán tăng nhẹ so với năm 2023. Doanh thu của Công ty giảm do nhu cầu đi lại trên các tuyến đường biển chịu tác động tiêu cực từ hoạt động mưa bão trong suốt Quý 3, Quý 4 làm cho vòng quay tổng tài sản có sự giảm nhẹ từ 0,46 xuống 0,42.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đã có sự giảm sút đáng kể so với năm 2023, phản ánh những khó khăn và thách thức mà Công ty đã phải đối mặt trong năm 2024. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm mạnh từ 17,03% xuống còn 8,91%. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ 8,08% xuống 3,85%. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân cũng giảm từ 7,95% xuống 3,78%. Tuy nhiên, mặc dù đối diện với nhiều thách thức, Công ty vẫn cố gắng duy trì được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Các nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tổng cầu của thị trường Phú Quốc, mức độ cạnh tranh khốc liệt từ doanh nghiệp cùng ngành và đặc biệt là từ các yếu tố khách quan do thời tiết như mưa bão kéo dài làm gián đoạn nhu cầu đi lại, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các tuyến khai thác. Dù gặp những khó khăn nêu trên nhưng Công ty vẫn nỗ lực duy trì sự ổn định và thực hiện các chiến lược cải tổ nhằm tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh và giữ vững vị thế của doanh nghiệp đầu ngành và kịp thời bắt kịp đà phục hồi của thị trường trong thời gian tới.

# Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Thông tin cổ phiếu



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 66.497.697 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 66.497.697 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 66.497.697 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu



# Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 01/07/2024

| STT | Loại cổ đông       | Số cổ phần        | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ sở hữu   |
|-----|--------------------|-------------------|------------------------|----------------|
| I   | Cổ đông Nhà nước   | -                 | -                      | -              |
| II  | Cổ đông trong nước | 40.022.978        | 400.229.780.000        | 60,19%         |
| 1   | Cá nhân            | 37.707.505        | 377.075.050.000        | 56,70%         |
| 2   | Tổ chức            | 2.315.473         | 23.154.730.000         | 3,48%          |
| III | Cổ đông nước ngoài | 26.474.719        | 264.747.190.000        | 39,81%         |
| 1   | Cá nhân            | 22.231.628        | 222.316.280.000        | 33,43%         |
| 2   | Tổ chức            | 4.243.091         | 42.430.910.000         | 6,38%          |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>66.497.697</b> | <b>664.976.970.000</b> | <b>100,00%</b> |

## Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (\*)

(\*) Theo Công văn số 3110/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2022 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

## Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ. Trong năm 2024, Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ và chứng khoán khác nào.

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Thời điểm | Vốn điều lệ | Phương thức tăng vốn                                    |
|-----------|-------------|---|
| 2010      | 90,0 tỷ     | Chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH sang CTCP. |
| 2011      | 83,5 tỷ     | Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp.       |
| 2011      | 108,2 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010.                 |
| 2011      | 113,2 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu.                  |
| 2012      | 147,2 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011.                 |
| 2012      | 171,3 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu.            |
| 2012      | 174,7 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu.            |
| 2014      | 199,9 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013.                 |
| 2015      | 244,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015.    |
| 2016      | 342,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015.                 |
| 2017      | 479,8 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016.                 |
| 2018      | 575,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017.                 |
| 2019      | 633,3 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018.                 |
| 2024      | 664,98 tỷ   | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023.                 |

# Báo cáo tác động liên quan đến MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

“ Với Superdong, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Công ty luôn song hành cùng ba trụ cột cốt lõi: phát triển kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty đặt trọng tâm vào phát triển bền vững. Công ty tin rằng chỉ khi đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và lợi ích của các bên liên quan, Doanh nghiệp mới có thể hướng đến tương lai thịnh vượng và lâu dài.

”



## Tác động lên môi trường

Với vai trò là một đơn vị hoạt động trong ngành vận tải hành khách và hàng hóa đường biển, Công ty luôn nhận thức rõ các tác động mà Công ty có thể gây ra cho môi trường. Việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là dầu DO cho các phương tiện vận tải, tạo ra một lượng khí thải lớn, góp phần gây ra hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu. Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp toàn diện, không chỉ nhằm giảm thiểu khí thải mà còn hướng tới một mô hình vận tải bền vững. Công ty cũng từng bước nghiên cứu chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch, nhằm đến việc giảm thiểu khí thải CO<sub>2</sub>, đồng thời tích hợp các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa hiệu suất nhiên liệu. Bằng cách áp dụng các phương thức tiết kiệm năng lượng trong quy trình vận hành, Công ty giảm thiểu tác động xấu đến

môi trường và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty cũng đang triển khai ứng dụng và tiếp tục nghiên cứu các công nghệ quản lý vận hành thông minh tiên tiến để tối ưu hóa lộ trình di chuyển, giảm thiểu thời gian vận hành và tăng hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục ưu tiên phát triển các chiến lược xanh và đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thân thiện với môi trường, tạo nền tảng vững chắc cho một ngành vận tải bền vững và giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái biển và khí quyển.



## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn xác định phát triển bền vững là yếu tố cốt lõi trong các chiến lược phát triển và hoạt động kinh doanh của mình. Để hiện thực hóa cam kết này, Công ty bắt đầu từ việc tối ưu hóa các chi phí vận hành, đặc biệt là vật liệu tái chế và năng lượng tái tạo. Điều này giúp giảm thiểu không chỉ lượng tài nguyên tiêu thụ mà còn lượng khí thải từ hoạt động vận hành, đồng thời đảm bảo quy trình vận hành thân thiện hơn với môi trường. Ngoài ra, Công ty còn đặc biệt chú trọng vào việc xây dựng một hệ thống quản lý thông minh. Thông qua việc lập kế hoạch cẩn trọng, đánh giá kỹ lưỡng thời gian khai thác và lên lịch trình vận hành hợp lý, Công ty đã thành công giảm thiểu sự lãng phí nguồn lực và tối ưu hóa khả năng vận chuyển hành khách, đồng thời duy trì các tiêu chuẩn an toàn và tiết kiệm chi phí.



## Tiêu thụ năng lượng

Cũng như nhiều công ty vận tải hành khách vận tải khác, Công ty đang phải đối mặt với bài toán tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là trong bối cảnh sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống như dầu diesel (DO). Đây là nguồn năng lượng chủ yếu cho động cơ tàu, các thiết bị điện tử, hệ thống điều hòa không khí, cũng như động cơ cung cấp nước cho hành khách và thủy thủ trên tàu. Mặc dù đóng vai trò quan trọng trong vận hành, việc sử dụng dầu diesel không chỉ đẩy cao chi phí mà còn góp phần gây ra khí thải, làm gia tăng tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh năng lượng tiêu thụ trực tiếp từ các tàu, các hoạt động hỗ trợ như văn phòng, kho bãi và nhà xưởng cũng chiếm một tỷ lệ nhất định trong tổng lượng năng lượng tiêu thụ của Công ty. Để ứng phó với thách thức này, Công ty đã triển khai một chiến lược toàn diện nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng. Công ty đầu tư vào các tàu mới với công nghệ tiên tiến, giúp cải thiện hiệu suất năng lượng. Đồng thời, việc tối ưu hóa lộ trình và lịch trình các chuyến tàu cũng góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu lãng phí năng lượng. Ngoài các giải pháp công nghệ, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ đội ngũ nhân viên. Các chương trình đào tạo và khuyến khích áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng đã được triển khai, tạo ra một môi trường làm việc sáng tạo và trách nhiệm hơn đối với môi trường. Những biện pháp này không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn khẳng định cam kết mạnh mẽ của Công ty đối với phát triển bền vững, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường, góp phần vào một tương lai xanh hơn cho ngành vận tải hành khách đường biển.

## Báo cáo tác động liên quan đến

# MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (Tiếp theo)



### Tiêu thụ nước

Trong năm 2024, quản lý hiệu quả việc tiêu thụ nước trở thành một yếu tố được chú trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường. Việc đảm bảo nguồn nước ổn định là yếu tố thiết yếu để duy trì hoạt động vận hành, văn phòng và các khu vực cung cấp dịch vụ. Do đó, Công ty tập trung vào việc sử dụng hợp lý nguồn nước nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động và phát triển bền vững.

Hiện tại, Công ty khai thác nguồn nước chính từ hệ thống đường ống dẫn nước địa phương và áp dụng nhiều giải pháp tiết kiệm để tối ưu hóa sử dụng. Các biện pháp bao gồm lắp đặt thiết bị giảm tiêu thụ nước, bảo trì định kỳ hệ thống cấp nước nhằm hạn chế thất thoát, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong nội bộ. Những nỗ lực này không chỉ giúp tối ưu chi phí vận hành mà còn giảm tác động đến môi trường.

Bên cạnh việc kiểm soát lượng nước tiêu thụ, Công ty hướng đến các giải pháp dài hạn như tái chế và tái sử dụng nước, nhằm tăng cường tính bền vững trong hoạt động. Thông qua việc chủ động quản lý nguồn tài nguyên nước, Công ty khẳng định cam kết đối với trách nhiệm xã hội và góp phần vào sự phát triển bền vững trong tương lai.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường và chưa từng bị xử phạt do vi phạm, điều này khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc thực hiện các tiêu chuẩn pháp lý và bảo vệ môi trường. Hệ thống tàu của Công ty được thiết kế theo các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và tác động môi trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái xung quanh.

Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ quy định, Công ty còn chủ động triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa hiệu suất vận hành. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng được nghiên cứu và áp dụng nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, đồng thời góp phần vào chiến lược phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định và quy trình kiểm soát từ cơ quan đăng kiểm Việt Nam. Điều này không chỉ đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh mà còn tăng cường tính minh bạch, uy tín, giúp Công ty duy trì sự ổn định lâu dài và hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.



### Chính sách liên quan đến người lao động

Đội ngũ nhân sự của Công ty được đầu tư theo hướng chuyên sâu với trình độ và chuyên môn ngày càng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Trong bối cảnh ngành vận tải biển đang thiếu hụt nguồn lao động chất lượng cao, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là yếu tố quyết định cho sự thành công lâu dài. Công ty cam kết triển khai các chính sách toàn diện nhằm bảo vệ quyền lợi, sức khỏe và cơ hội phát triển nghề nghiệp của nhân viên. Công ty thực hiện cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, tổ chức huấn luyện định kỳ về an toàn lao động cho nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc phát triển chuyên môn và kỹ năng mềm của đội ngũ, điển hình như các khóa đào tạo về giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý thời gian. Với mức thu nhập trung bình đạt 16,5 triệu đồng/người/tháng, Công ty không chỉ đảm bảo các quyền lợi tài chính cho nhân viên mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia vào các chương trình đào tạo nâng cao năng lực, từ đó xây dựng một đội ngũ lao động chất lượng, đáp ứng đầy đủ các thách thức trong ngành vận tải biển.



Báo cáo tác động liên quan đến

## MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (Tiếp theo)

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

# AN SINH XÃ HỘI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Ngoài chú trọng vào việc phát triển kinh doanh, Công ty còn khẳng định cam kết mạnh mẽ của mình với cộng đồng và xã hội thông qua các sáng kiến hỗ trợ cộng đồng, không chỉ trong phạm vi địa phương mà còn mở rộng ra sang các địa bàn gặp khó khăn khác. Công ty tích cực hợp tác với các đơn vị chuyên thực hiện công tác xã hội, giúp đỡ tài chính và vật chất cho những hoàn cảnh khó khăn. Các chương trình trong năm như “Trung thu ấm áp”, trao tặng sách vở cho học sinh Trường Tiểu học & THCS Tiên Hải hay tài trợ vé tàu cho sinh viên Đại học Y Dược là minh chứng cho tinh thần sẻ chia và cam kết nâng cao chất lượng cuộc sống của Công ty. Bằng cách này, Công ty không chỉ góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng mà còn thực hiện vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy trách nhiệm xã hội, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, từ đó tạo dựng uy tín của doanh nghiệp trong cộng đồng và xã hội.

### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thị trường vốn xanh ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính toàn cầu, hướng đến việc tài trợ cho các dự án và hoạt động kinh doanh bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển xanh. Không chỉ giúp doanh nghiệp huy động vốn để triển khai các sáng kiến thân thiện với môi trường, thị trường này còn góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Những công cụ tài chính như trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh hay quỹ đầu tư xanh đang trở thành phương tiện thiết yếu để hỗ trợ các dự án phát triển bền vững.

Mặc dù Công ty chưa tham gia trực tiếp vào thị trường vốn xanh, Công ty vẫn ưu tiên áp dụng các chiến lược kinh doanh gắn liền với phát triển bền vững. Việc bảo vệ môi trường được xem là yếu tố cốt lõi trong mọi hoạt động, thể hiện qua các sáng kiến như ưu tiên sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường, tối ưu hóa quy trình tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu khí thải. Những chính sách này không chỉ giúp Công ty vận hành hiệu quả mà còn tạo nền tảng vững chắc để tiếp cận thị trường vốn xanh trong tương lai, đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư quan tâm đến tính bền vững.



# PHẦN 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

## Đánh giá

# kết quả hoạt động kinh doanh

### Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động kinh doanh trước đây



#### Thuận lợi

Năm 2024, Công ty tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong thị trường khai thác. Với hơn 20 năm kinh nghiệm, Công ty đã xây dựng được thương hiệu uy tín được khách hàng tin tưởng về chất lượng dịch vụ, độ an toàn và tính ổn định, đúng giờ. Hiện tại, Công ty sở hữu đội tàu lớn với 16 tàu cao tốc, khai thác trên các tuyến trọng điểm như Hà Tiên – Phú Quốc, Rạch Giá – Phú Quốc, Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý, giúp duy trì thị phần lớn trên các tuyến hoạt động.

Tình hình tài chính của Công ty cũng là một lợi thế lớn khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu chiếm 98,4% tổng nguồn vốn, thể hiện sự chủ động tài chính, không chịu áp lực từ nợ vay. Dòng tiền mạnh giúp Công ty duy trì khả năng thanh khoản cao. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng ứng dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa vận hành. Hệ thống bán vé trực tuyến trên nền tảng VNPAY đã được triển khai thành công, giúp khách hàng dễ dàng đặt vé và thanh toán. Việc tích hợp hóa đơn điện tử, phần mềm quản lý nhân sự trên nền tảng di động giúp giảm thiểu rủi ro sai sót và tăng hiệu suất làm việc.

Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh đầu tư nâng cấp phương tiện và dịch vụ để duy trì lợi thế cạnh tranh. Việc hoán cải và nâng cấp công suất máy chính cho 04 tàu cao tốc đã giúp nâng cao tốc độ khai thác và cải thiện năng lực vận hành. Song song đó, Công ty sẽ tiếp tục phát triển dịch vụ hậu cần tại cảng, bao gồm khu ẩm thực, nghỉ dưỡng và giải trí, nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa nguồn doanh thu. Những lợi thế vượt trội này tạo ra nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục tăng trưởng và mở rộng hoạt động trong những năm tới.



#### Khó khăn

Mặc dù sở hữu nhiều lợi thế cạnh tranh, Công ty vẫn phải đối mặt với hàng loạt thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Một trong những khó khăn lớn nhất đến từ biến động thời tiết và thiên tai. Năm 2024 chứng kiến số lượng bão và áp thấp nhiệt đới gia tăng đột biến, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động khai thác. Công ty đã buộc phải hủy hoặc hoãn 318 chuyến tàu, tương đương 87 ngày ngừng hoạt động, dẫn đến tổn thất lớn về doanh thu. Ngoài ra, thời tiết khắc nghiệt khiến khách hàng ngại di chuyển, làm suy giảm nhu cầu đặt tour đi tàu, ảnh hưởng trực tiếp đến công suất khai thác trong mùa mưa bão.

Bên cạnh yếu tố thiên tai, áp lực cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng, đặc biệt khi có thêm một đối thủ mới gia nhập thị trường từ tháng 8 năm 2024, khai thác các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc và Rạch Giá – Hòn Sơn với chính sách giá linh hoạt và nhiều ưu đãi, thu hút một lượng khách đáng kể trải nghiệm dịch vụ mới. Ngoài ra, các doanh nghiệp hiện tại cũng tăng cường chiết khấu bán hàng, giảm giá trực tiếp, ngay cả trong mùa cao điểm, làm biên lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể. Điều này đặt ra áp lực lớn cho Công ty trong việc duy trì doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt.

Một thách thức khác đến từ biến động chi phí vận hành, khi giá dầu DO chiếm 50% tổng chi phí và đã tăng mạnh trong năm 2024 do xung đột địa chính trị, gây áp lực lớn lên lợi nhuận. Đồng thời, chi phí bảo trì, nhân công cũng leo thang do lạm phát tăng

3,63%, khiến tổng chi phí vận hành vượt tốc độ tăng trưởng doanh thu. Việc kiểm soát chi phí trong bối cảnh này trở thành một bài toán khó khăn, đòi hỏi Công ty phải tối ưu hóa lịch trình vận hành và đàm phán với nhà cung cấp để duy trì hiệu quả hoạt động.

Không chỉ đối mặt với áp lực từ thị trường, Công ty còn đối diện các khó khăn từ các thay đổi về pháp lý và hạ tầng giao thông. Các quy định mới về phòng cháy chữa cháy (PCCC) và đăng kiểm đã buộc Công ty phải thay thế toàn bộ trang thiết bị dù vẫn có thể sử dụng làm gia tăng chi phí đáng kể. Ngoài ra, tình trạng thiếu hụt đăng kiểm viên gây kéo dài thời gian bảo dưỡng tàu, tổn kém về chi phí thuê bến bãi và nhân công. Trong khi đó, dự án nâng cấp cảng Rạch Giá kéo dài tiến độ, gây khó khăn trong việc cập bến, đón trả khách và bốc dỡ hàng hóa, buộc tàu phải di dời liên tục, làm gia tăng chi phí nhiên liệu và vận hành.

Công ty cũng gặp nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và duy trì nhân sự có chuyên môn cao, đặc biệt là đội ngũ thuyền viên bộ phận máy. Sự cạnh tranh trong ngành vận tải biển khiến nguồn cung lao động có tay nghề bị hạn chế, trong khi số lượng tàu khai thác ngày càng tăng. Điều này làm cho chi phí nhân công vốn đã cao lại càng leo thang, gây áp lực lớn lên hoạt động kinh doanh và an toàn vận hành tàu. Việc đảm bảo đội ngũ nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết để duy trì hiệu quả khai thác và là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.



# Tình hình tài chính

## Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục                          | 31/12/2023     |               | 31/12/2024     |               |
|------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
|                                    | Giá trị        | Tỷ trọng      | Giá trị        | Tỷ trọng      |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>549.294</b> | <b>61,21%</b> | <b>493.280</b> | <b>54,89%</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.725         | 1,64%         | 165.983        | 18,47%        |
| Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn    | 199.103        | 22,19%        | 10.000         | 1,11%         |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 299.748        | 33,40%        | 280.323        | 31,19%        |
| Hàng tồn kho                       | 29.327         | 3,27%         | 29.659         | 3,30%         |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 6.391          | 0,71%         | 7.314          | 0,81%         |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>348.105</b> | <b>38,80%</b> | <b>405.443</b> | <b>45,11%</b> |
| Các khoản phải thu dài hạn         | 805            | 0,09%         | 805            | 0,09%         |
| Tài sản cố định                    | 338.790        | 37,75%        | 358.930        | 39,94%        |
| Tài sản dở dang dài hạn            | 1.442          | 0,16%         | 32.275         | 3,59%         |
| Tài sản dài hạn khác               | 7.068          | 0,79%         | 13.432         | 1,49%         |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>897.399</b> | <b>100%</b>   | <b>898.722</b> | <b>100%</b>   |

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2024 không có nhiều biến động so với năm 2023, đạt 898,722 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ 0,15% so với mức 897,399 tỷ đồng của năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản có sự thay đổi đáng kể khi tỷ trọng tài sản dài hạn tăng lên, trong khi tài sản ngắn hạn giảm mạnh. Cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 10,2%, từ 549,294 tỷ đồng xuống 493,280 tỷ đồng. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản giảm từ 61,21% xuống 54,89%. Nguyên nhân chủ yếu do khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm mạnh từ 199,103 tỷ đồng xuống 10 tỷ đồng. Công ty đã tất toán phần lớn các khoản đầu tư ngắn hạn. Trong khi đó, các khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm nhẹ, hàng tồn kho duy trì ổn định, nhưng lượng tiền mặt và tương đương tiền tăng mạnh 151 tỷ đồng, đạt 165,983 tỷ đồng, phần lớn nhờ vào các khoản tiền gửi đến kỳ hạn thu hồi. Điều này giúp cải thiện đáng kể tính thanh khoản của Công ty.

Ngược lại, tài sản dài hạn tăng 16,47%, từ 348,105 tỷ đồng lên 405,443 tỷ đồng, chiếm 45,11% tổng tài sản, chủ yếu đến từ khoản đầu tư vào tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn. Cụ thể, tài sản cố định tăng hơn 20 tỷ đồng do việc nâng cấp tàu vận tải nhằm nâng cao năng lực khai thác, trong khi tài sản dở dang dài hạn cũng tăng thêm 30,83 tỷ đồng, chủ yếu liên quan đến xây dựng bến tàu và cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh. Các khoản phải thu dài hạn và tài sản dài hạn khác không có nhiều thay đổi.

## Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục                      | 31/12/2023     |               | 31/12/2024     |               |
|--------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
|                                | Giá trị        | Tỷ trọng      | Giá trị        | Tỷ trọng      |
| <b>Nợ phải trả</b>             | <b>15.372</b>  | <b>1,71%</b>  | <b>14.386</b>  | <b>1,60%</b>  |
| Nợ ngắn hạn                    | 15.312         | 1,71%         | 14.326         | 1,59%         |
| Nợ dài hạn                     | 60             | 0,01%         | 60             | 0,01%         |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>          | <b>882.027</b> | <b>98,29%</b> | <b>884.336</b> | <b>98,40%</b> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu      | 633.317        | 70,57%        | 664.977        | 73,99%        |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 0              | 0%            | 0              | 0%            |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>          | <b>897.399</b> | <b>100%</b>   | <b>898.722</b> | <b>100%</b>   |

Tình hình nguồn vốn của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định với chính sách tự chủ tài chính, khi nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn. Tại thời điểm cuối năm 2024, vốn chủ sở hữu đạt 884,336 tỷ đồng, chiếm 98,40% tổng nguồn vốn, tăng nhẹ so với mức 882,027 tỷ đồng của năm trước. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu với tổng giá trị hơn 63 tỷ đồng, đồng thời vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng 5%, đạt 664,977 tỷ đồng, phản ánh chính sách phân phối lợi nhuận hợp lý nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông mà vẫn duy trì nguồn lực tài chính vững chắc.

Ngược lại, nợ phải trả của Công ty duy trì ở mức thấp, chỉ chiếm 1,6% tổng nguồn vốn, tương đương 14,386 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 15,372 tỷ đồng của năm 2023. Trong đó, nợ ngắn hạn vẫn chiếm phần lớn, chủ yếu là các khoản phải trả người lao động và phải trả người bán, trong khi nợ dài hạn không có sự thay đổi đáng kể. Với tỷ lệ nợ thấp, Công ty hoàn toàn chủ động trong kế hoạch sử dụng vốn mà không chịu áp lực về dòng tiền để thanh toán lãi vay và các khoản nợ đến hạn. Điều này giúp Công ty duy trì sự ổn định tài chính mà còn tạo dư địa lớn để sử dụng nguồn vốn khi cần thiết, đặc biệt trong trường hợp có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

## Những cải tiến

# về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### “ Ứng dụng công nghệ – Hiện đại hóa hệ thống vận hành

Công ty đã đạt được bước tiến quan trọng trong việc số hóa hệ thống vận hành, giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu suất hoạt động. Công ty đã tích hợp thành công hệ thống bán vé trực tuyến trên nền tảng VNPay, đa dạng hóa các kênh thanh toán, tạo sự thuận tiện tối đa cho hành khách. Bên cạnh đó, hệ thống xuất hóa đơn điện tử được kết nối trực tiếp với phần mềm kế toán và hệ thống bán vé, giúp giảm thiểu rủi ro sai sót, tiết kiệm thời gian xử lý dữ liệu. Không dừng lại ở đó, Công ty cũng triển khai phần mềm quản lý nhân sự trên nền tảng di động, cho phép tối ưu hóa quy trình theo dõi, đánh giá và quản lý đội ngũ nhân sự, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả vận hành nội bộ.

### Nâng cao chất lượng dịch vụ – Cải thiện trải nghiệm khách hàng

Nhận thức rõ vai trò của dịch vụ trong việc xây dựng lòng tin và giữ chân khách hàng, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ giao tiếp dành cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Chương trình này giúp nâng cao kỹ năng phục vụ, tăng cường sự chuyên nghiệp trong tương tác với khách hàng, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc có tính phục vụ cao. Công ty cũng tập trung cải thiện quy trình hỗ trợ khách hàng, tối ưu hóa thời gian phản hồi và xử lý yêu cầu, mang đến những trải nghiệm hài lòng và chất lượng cao nhất.

### Cải thiện hiệu quả hoạt động – Tăng cường năng lực khai thác

Để nâng cao khả năng vận hành và mở rộng thị phần, Công ty đã hoàn thành việc hoán cải và nâng cấp công suất máy chính cho 4 tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII. Việc cải tiến này giúp nâng cao tốc độ khai thác, gia tăng độ ổn định trong vận hành, đồng thời giúp Công ty củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường hoạt động tại Kiên Giang. Nhờ đó, Công ty không những duy trì được lợi thế cạnh tranh mà còn thu hút thêm nhiều khách hàng mới, tăng cường hiệu suất khai thác trên các tuyến trọng điểm.

### Quản lý nhân sự – Duy trì nguồn lực ổn định

Dù đối mặt với nhiều thách thức về tuyển dụng và duy trì nhân sự trong ngành, Công ty vẫn giữ được sự ổn định của đội ngũ lao động. Chính sách nhân sự hợp lý và môi trường làm việc tốt, các chính sách phù hợp, đảm bảo chế độ đãi ngộ cạnh tranh, tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết đã giúp Công ty duy trì cũng như thu hút được đội ngũ nhân lực có chuyên môn và trình độ cao.

”



# Kế hoạch phát triển trong tương lai

Để đảm bảo sự phát triển bền vững và củng cố vị thế trên thị trường khai thác, Công ty hướng đến mục tiêu trở thành đơn vị vận tải bằng phương tiện cao tốc hàng đầu tại Việt Nam. Công ty luôn tập trung vào việc cung cấp dịch vụ di chuyển an toàn, tiện nghi và nhanh chóng; từ đó đóng góp vào sự phát triển của du lịch biển đảo. Trong giai đoạn 2024 - 2029, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10% mỗi năm và mức độ hài lòng của khách hàng đạt 80%. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Công ty sẽ tập trung vào đa dạng hóa dịch vụ, đầu tư vào công nghệ, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Một trong những ưu tiên hàng đầu là phát triển và mở rộng dịch vụ. Công ty sẽ đầu tư vào phà cao tốc hiện đại, đồng thời khai thác các tuyến vận tải mới như tuyến Thổ Châu để mở rộng thị phần. Công ty cũng chú trọng vào các gói du lịch kết hợp vận tải, nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng giá trị dịch vụ. Bên cạnh đó, việc phát triển các dịch vụ hậu cần tại cảng như ẩm thực, nghỉ dưỡng và giải trí sẽ giúp tối ưu hóa nguồn thu và tạo thêm tiện ích cho hành khách.

Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động marketing và xây dựng thương hiệu thông qua hệ thống đặt vé trực tuyến đa kênh, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và triển khai chương trình khách hàng thân thiết. Ngoài ra, việc mở rộng hợp tác với các công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng sẽ giúp Công ty tiếp cận thị trường khách hàng mới, đồng thời gia tăng sự hiện diện trên thị trường du lịch. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tối ưu hóa vận hành bằng cách giảm chi phí nhiên liệu, nâng cấp hệ thống quản lý tàu và kiểm soát tài chính chặt chẽ để đảm bảo dòng tiền ổn định.

Về nguồn lực, Công ty sẽ tối ưu hóa vốn đầu tư, áp dụng công nghệ số vào quản lý và vận hành, đồng thời tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp để nâng cao hiệu suất làm việc. Trước những rủi ro như biến động thị trường, cạnh tranh và thời tiết, Công ty sẽ có các biện pháp phòng ngừa như điều chỉnh chiến lược linh hoạt, tối ưu hóa chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ. Với những kế hoạch chiến lược này, Công ty đảm bảo tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế tiên phong trong ngành, mang đến những trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.

## Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Superdong là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.

# Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn chú trọng đánh giá định kỳ tác động môi trường từ hoạt động vận tải nhằm xác định các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực. Trên cơ sở đó, Công ty ưu tiên đầu tư vào công nghệ tiên tiến để kiểm soát khí thải, đồng thời triển khai các chính sách tái chế và quản lý chất thải nhằm nâng cao tính bền vững trong vận hành.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nghiên cứu và tiến tới ứng dụng công nghệ xanh nhằm tối ưu hóa hiệu suất năng lượng và giảm thiểu lượng chất thải phát sinh. Hệ thống bảo dưỡng định kỳ được thực hiện nghiêm ngặt để đảm bảo phương tiện vận hành hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn và môi trường. Những nỗ lực này giúp Công ty cải thiện chất lượng dịch vụ và góp phần xây dựng một hệ thống vận tải thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trước nhu cầu phát triển sâu và rộng của Công ty đòi hỏi nguồn nhân lực liên tục được mở rộng và nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong vận hành và quản lý. Công ty đặc biệt chú trọng vào công tác đào tạo, tạo điều kiện để nhân viên và thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn thông qua các khóa học về quản lý, tư vấn, giám sát cũng như phát triển kỹ năng nghiệp vụ và bổ trợ.

Nhờ chiến lược đào tạo bài bản, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân sự có chuyên môn vững vàng, kiến thức toàn diện và khả năng thích ứng linh hoạt với xu thế mới. Đội ngũ này đáp ứng tốt yêu cầu công việc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tính hội nhập và phát triển bền vững của Công ty trong môi trường cạnh tranh.



## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty không chỉ coi mối quan hệ với cộng đồng địa phương là một trách nhiệm, mà còn là cơ hội để đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống tại khu vực hoạt động. Với tinh thần gắn kết và trách nhiệm xã hội, Công ty chủ động tham gia vào các chương trình cộng đồng, từ bảo vệ môi trường đến hỗ trợ giáo dục và chăm sóc y tế, nhằm tạo ra những giá trị thiết thực cho xã hội.

Song song với các hoạt động xã hội, Công ty tiếp tục triển khai các chính sách và chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh đều hướng đến sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng. Những nỗ lực này góp phần xây dựng một tương lai xanh và thịnh vượng; đồng thời khẳng định cam kết lâu dài của Công ty đối với sự phát triển của địa phương.

# PHẦN 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## Đánh giá

# của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

### Hoạt động kinh doanh

Năm 2024, mặc dù đối mặt với rất nhiều thách thức nhưng Công ty vẫn nỗ lực duy trì sự ổn định, hoàn thiện hệ thống quản lý vận hành và vẫn mang lại nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ ở mức 33,97 tỷ đồng, giảm 51,26% so với năm 2023 và chỉ đạt 46,47% so với mục tiêu đã đề ra. Nguyên nhân là do những rủi ro bất khả kháng như tình hình thời tiết bất lợi vào Quý III và Quý IV, mưa bão kéo dài gây gián đoạn các tuyến đi Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo, Phú Quý. Bên cạnh đó, tổng lượng khách đến Phú Quốc có sự suy giảm do hệ quả từ các thông tin trên các phương tiện truyền thông và các mạng xã hội về giá cả và chất lượng của một số dịch vụ tại Phú Quốc. Ngoài ra, Công ty cũng phải đối mặt với môi trường cạnh tranh khốc liệt từ đơn vị vận tải cùng ngành và đặc biệt là sự xuất hiện của một doanh nghiệp mới gia nhập thị trường Kiên Giang vào Quý III năm 2024. Trước những khó khăn này, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị đã chủ động điều chỉnh chiến lược, tối ưu hóa chi phí và tìm kiếm giải pháp linh hoạt để ứng phó. Công ty đã áp dụng những biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp duy trì hoạt động kinh doanh và tối thiểu hóa các tác động tiêu cực từ thời tiết. Các giải pháp sáng tạo như cải tiến quy trình vận hành, quản lý chi phí chặt chẽ và khai thác tối ưu nguồn lực tài chính mạnh mẽ đã được đưa ra và nhanh chóng thực hiện. Nhờ vào những nỗ lực này, Công ty tiếp tục khẳng định năng lực thích ứng linh hoạt trong một môi trường đầy thử thách, với tầm nhìn dài hạn hướng tới việc củng cố vị thế cạnh tranh và tiếp tục phát triển thị phần dẫn đầu trên thị trường khai thác.

### Hoạt động quản trị nội bộ

Trong công tác quản trị nội bộ, Công ty tập trung củng cố bộ máy tổ chức, hoàn thiện hệ thống quản trị nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Công ty đã rà soát và áp dụng đồng bộ các quy chế quan trọng như Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ cùng với hệ thống quy trình hướng dẫn hoạt động như kế toán, nhân sự và hành chính. Những điều chỉnh này giúp chuẩn hóa quy trình làm việc, đảm bảo sự minh bạch và tuân thủ các quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định do Nhà nước ban hành. Để bảo vệ quyền lợi của cổ đông và người lao động, Công ty thực hiện chính sách minh bạch trong cung cấp thông tin, đồng thời chú trọng đến đời sống và quyền lợi của đội ngũ nhân sự. Những nỗ lực này không chỉ giúp tăng cường uy tín doanh nghiệp mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

### Công tác liên quan đến môi trường và xã hội

Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động quản trị và kinh doanh hiệu quả mà còn xem trách nhiệm xã hội là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững. Với cam kết đóng góp tích cực cho cộng đồng, Công ty triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường và hỗ trợ các hoạt động thiện nguyện.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Công ty ưu tiên đầu tư vào các trang thiết bị hiện đại, giúp tối ưu hóa mức tiêu thụ nhiên liệu, giảm khí thải và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả. Công ty cũng luôn sẵn sàng đồng hành cùng các tổ chức và chương trình thiện nguyện, tích cực tham gia hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt trong các dịp lễ, Tết. Những hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội mà còn góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp gắn kết với cộng đồng, hướng đến sự phát triển bền vững và lâu dài.

## Đánh giá

# của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược và điều phối hoạt động của Ban Điều hành một cách hiệu quả, giúp triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh và vận hành. Ủy ban kiểm toán cũng ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc duy trì tính chủ động và tích cực hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa hoàn thành toàn bộ kế hoạch đề ra do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Một số chỉ tiêu chưa đạt kỳ vọng do ảnh hưởng từ biến động thị trường, chi phí vận hành gia tăng và sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành. Dù vậy, Ban Điều hành đã triển khai nhiều biện pháp kịp thời để hạn chế tác động tiêu cực, đồng thời tiếp tục điều chỉnh chiến lược nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trong thời gian tới. Những nỗ lực này tạo nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển và đạt được các mục tiêu dài hạn.



# Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | %KH 2025/TH 2024 |
|--------------------|----------------|---------------|------------------|
| Vốn điều lệ        | 664.977        | 664.977       | 100,00%          |
| Doanh thu thuần    | 381.114        | 418.252       | 109,74%          |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.975         | 35.685        | 105,03%          |
| Cổ tức (%) (*)     | 5%             | 5%            | -                |

(\*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2024 và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 sắp tới

## Kế hoạch phát triển và chiến lược mở rộng của Công ty

Như dự kiến, năm 2024 là một trong những năm thách thức và khó khăn nhất trong chặng đường hơn 20 năm xây dựng và phát triển của thương hiệu Superdong. Dù đã tiên lượng được những khó khăn về cạnh tranh và sự suy giảm về tổng nhu cầu của hành khách tới Phú Quốc nhưng diễn biến phức tạp của tình hình mưa bão kéo dài hơn dự kiến đã gây ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, Công ty vẫn xem đây là cơ hội để đánh giá khách quan nhất các ưu thế sẵn có cũng như độ uy tín của thương hiệu Superdong, sự vận hành hiệu quả của các phương tiện, đội ngũ nhân sự, hệ thống quy trình quản lý vận hành để từ đó có sự hoàn thiện, chuyển đổi cho phù hợp hơn với tình hình mới.

Công ty nhận định trong 3 – 5 năm tới, ngành du lịch của Việt Nam nói chung và thị trường du lịch biển đảo nói riêng sẽ có những bước chuyển biến mang tính đột phá. Và năm 2025 như một năm bản lề cho sự xuất hiện của các dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng đối với cả nhóm khách Việt Nam và Quốc tế. Để chuẩn bị cho chu kỳ tích lũy và tăng trưởng mới này, Công ty sẽ phát huy các nội lực sẵn có về sự ưu việt của đội tàu, năng lực mạnh mẽ trong vận hành, tình hình tài chính lành mạnh kết hợp với việc áp dụng chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động kinh doanh, điều phối tàu cho đến các hoạt động về marketing, kế toán – tài chính, nhân sự... nhằm duy trì vị thế là doanh nghiệp đầu ngành, luôn đi trước đón đầu, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước. Để đạt được kế hoạch mục tiêu tăng trưởng doanh thu năm 2025 là 9,7% và duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 10% trong trung hạn, Công ty sẽ ưu tiên các thực hiện (1) Tận dụng tiềm năng tăng trưởng của ngành bằng nâng cao hiệu quả vận hành, củng cố vị thế trên thị trường và mở rộng thị trường khai thác ra các địa bàn mới tiềm năng. Tập trung vào việc mở rộng hợp tác với đối tác như công ty du lịch, khách sạn và nhà hàng nhằm tạo ra hệ sinh thái dịch vụ trọn gói để tăng cường khả năng thu hút khách hàng. (2) Đa dạng hóa dịch vụ và mở rộng quy mô hoạt động bằng việc đầu tư và đưa vào khai thác mô hình phà cao tốc mới nhằm gia tăng giá trị và phục vụ đa dạng khách hàng, tích hợp vận chuyển hàng hóa giúp tối ưu công suất khai thác và mở rộng nguồn thu. (3) Ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa vận hành bằng việc tiếp tục đầu tư vào hệ thống đặt vé trực tuyến đa kênh và tối ưu hóa quy trình đặt vé nhằm mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. Triển khai các phần mềm quản lý vận hành hiện đại giúp kiểm soát chặt chẽ lịch trình, giám sát hiệu suất khai thác tàu và tối ưu hóa chi phí nhiên liệu.



# PHẦN 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán



# Hội đồng quản trị

## Cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên               | Chức vụ                                      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------------|--|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch HĐQT                                | 0                  | 0%           |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT                            | 15.586             | 0,02%        |
| 3   | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD                     | 8.531.414          | 12,83%       |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD                 | 34.756             | 0,05%        |
| 5   | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên HĐQT                              | 4.736.724          | 7,12%        |
| 6   | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT   | 0                  | 0%           |
| 7   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên UBKT | 0                  | 0%           |

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT          | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự |
|-----|--------------------------|--------------------------|---------------|
| 1   | Ông Phan Hồng Phúc       | 04                       | 100%          |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | 04                       | 100%          |
| 3   | Ông Puan Kwong Siing     | 04                       | 100%          |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | 04                       | 100%          |
| 5   | Bà Hà Nguyệt Nhi         | 04                       | 100%          |
| 6   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | 04                       | 100%          |
| 7   | Ông Bùi Tiến Đức         | 04                       | 100%          |

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp trực tiếp và 04 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định/Biên bản họp | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------------------|------------|--|-----------------|
| 1   | 01/2024/NQ-HĐQT                       | 04/03/2024 | - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;<br>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.   | 100%            |
| 2   | BBH                                   | 27/03/2024 | Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2024.   | 100%            |
| 3   | 02/2024/NQ-HĐQT                       | 02/04/2024 | - Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023;<br>- Thông qua các nội dung chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024;<br>- Thông qua đề xuất của Ban Tổng Giám đốc về gia hạn thời gian hoàn thành của tàu Superdong IX.  | 100%            |
| 4   | 03A/2024/NQ-HĐQT                      | 22/05/2024 | Thông qua triển khai việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt.   | 100%            |
| 5   | 03B/2024/NQ-HĐQT                      | 22/05/2024 | - Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2023;<br>- Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.  | 100%            |
| 6   | 03C/2024/NQ-HĐQT                      | 22/05/2024 | Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.   | 100%            |
| 7   | 03D/2024/NQ-HĐQT                      | 22/05/2024 | Thông qua thù lao của HĐQT, UBKT, Người quản trị kiêm Thư ký công ty và lương của Người điều hành Công ty năm 2024.  | 100%            |
| 8   | 04/2024/NQ-HĐQT                       | 13/06/2024 | - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023;<br>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục, hồ sơ nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông theo quy định.                                       | 100%            |
| 9   | 05A/2024/NQ-HĐQT                      | 24/07/2024 | Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với 3.165.962 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 theo quy định của pháp luật hiện hành. | 100%            |



# Hội đồng quản trị

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả các cuộc họp (tt)

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định/Biên bản họp | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------------------|------------|---|-----------------|
| 10  | 05B/2024/NQ-HĐQT                      | 24/07/2024 | - Thông qua tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang từ 633.317.350.000 đồng lên thành 664.976.970.000 đồng;<br>- Thông qua sửa đổi khoản 1 Điều 6 của Điều lệ công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi phát hành 3.165.962 cổ phiếu;<br>- Thông qua việc đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức Vốn điều lệ mới của Công ty. | 100%            |
| 11  | BBH                                   | 23/09/2024 | Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2024.  | 100%            |
| 12  | BBH                                   | 23/12/2024 | Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2024.  | 100%            |

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty có hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập, gồm Ông Bùi Tiến Đức và Bà Nguyễn Bích Nghĩa. Các thành viên này có vai trò giám sát và đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan, đặc biệt trong việc kiểm soát xung đột lợi ích giữa các bên liên quan. Trong năm 2024, các thành viên đã thực hiện tốt trọng trách được giao, đồng thời tiếp tục đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát hoạt động của Công ty theo định hướng phát triển đã xác lập. Với chuyên môn vững vàng và quan điểm độc lập, Ông Bùi Tiến Đức và Bà Nguyễn Bích Nghĩa đã đưa ra những phân tích sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng quyết định và tối ưu hóa quy trình quản trị doanh nghiệp.

## Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Tất cả thành viên thuộc Hội đồng quản trị đều sở hữu nhiều năm kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp, cả trong nước lẫn quốc tế. Để gia tăng năng lực quản trị và điều hành kinh doanh, Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo và đối thoại do các cơ quan chức năng và các tổ chức chuyên môn tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản trị.

# Ủy ban kiểm toán

## Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

Tính tại ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên           | Chức vụ    | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------|------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | 0                  | 0,00%        |
| 2   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | 0                  | 0,00%        |

## Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

### Kết quả thẩm tra tình hình tài chính Công ty năm 2024

Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã được thực hiện đầy đủ, trung thực.

Tuy hoạt động kinh doanh trong Quý III và Quý IV đều ghi nhận khoản lỗ nhưng sức khoẻ tài chính của Công ty vẫn được giữ vững và đảm bảo an toàn, ổn định. Công ty không phát sinh nợ vay ngân hàng hoặc thuê tài chính trong kỳ.

Công ty đã thực hiện lập và công bố các BCTC 2023 kiểm toán, BCTC quý và BCTC kiểm toán bán niên 2024 phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và theo các quy định của pháp lệnh hiện hành. Tuân thủ đầy đủ các công tác liên quan đến kế toán, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng và hợp lý...

Qua theo dõi và đánh giá sự độc lập khách quan của công ty kiểm toán, UBKT thống nhất số liệu trên BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét và BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của Ban Tổng Giám đốc.

### Tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty và công tác quản lý của BTGD năm 2024

Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 gồm 5% tiền mặt và 5% cổ phiếu, cũng như hoàn tất các thủ tục niêm yết 3.165.962 cổ phiếu trả cổ tức cho năm 2023. Đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích cho cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tích cực tổ chức thực hiện nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng, UBKT vẫn đánh giá cao các nỗ lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong bối cảnh môi trường kinh doanh đang gặp phải rất nhiều khó khăn như trong 6 tháng cuối năm 2024. Tình hình tài chính của Công ty vẫn được giữ vững và đảm bảo an toàn, ổn định. Công ty không phát sinh nợ vay ngân hàng hoặc thuê tài chính trong kỳ.

# Ủy ban kiểm toán

## Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Số lượng các cuộc họp của UBKT

| STT | Thành viên           | Chức vụ    | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|------------|-------------|---------------|-------------------------|
| 1   | Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | 02          | 100%          | -                       |
| 2   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | 02          | 100%          | -                       |

### Nội dung và kết quả các cuộc họp

Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp cụ thể như sau:

| STT | Số biên bản      | Ngày       | Nội dung   |
|-----|------------------|------------|--|
| 1   | 01/2024/BBH-UBKT | 28/06/2024 | Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong 06 tháng đầu năm 2024. |
| 2   | 02/2024/BBH-UBKT | 31/12/2024 | Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2024.              |



# Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

| STT                      | Họ và tên                | Chức danh      | Tổng thù lao         | Tổng lương           | Thưởng             | Tổng thu nhập        |
|--------------------------|--------------------------|----------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                          |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                        | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch       | 480.000.000          | -                    | -                  | 480.000.000          |
| 2                        | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó CT         | 240.000.000          | 764.100.000          | 93.960.000         | 1.098.060.000        |
| 3                        | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên     | 120.000.000          | 2.400.500.000        | 270.000.000        | 2.790.500.000        |
| 4                        | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên     | 120.000.000          | 290.700.000          | 35.670.000         | 446.370.000          |
| 5                        | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên     | 120.000.000          | 1.920.900.000        | 232.000.000        | 2.272.900.000        |
| 6                        | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên     | 240.000.000          | -                    | -                  | 240.000.000          |
| 7                        | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên     | 300.000.000          | -                    | -                  | 300.000.000          |
| <b>Tổng</b>              |                          |                | <b>1.620.000.000</b> | <b>5.376.200.000</b> | <b>631.630.000</b> | <b>7.627.830.000</b> |
| <b>Ủy ban kiểm toán</b>  |                          |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                        | Ông Bùi Tiến Đức         | Chủ tịch       | NT                   | -                    | -                  | NT                   |
| 2                        | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên     | NT                   | -                    | -                  | NT                   |
| <b>Tổng</b>              |                          |                | <b>NT</b>            | <b>-</b>             | <b>-</b>           | <b>NT</b>            |
| <b>Kế toán trưởng</b>    |                          |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                        | Bà Bùi Thị Hồng Đào      | Kế toán trưởng | -                    | 958.400.000          | 122.100.000        | 1.080.500.000        |
| <b>Tổng</b>              |                          |                | <b>-</b>             | <b>958.400.000</b>   | <b>122.100.000</b> | <b>1.080.500.000</b> |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                          |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                        | Ông Puan Kwong Siing     | Tổng GD        | NT                   | NT                   | NT                 | NT                   |
| 2                        | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Phó Tổng GD    | NT                   | NT                   | NT                 | NT                   |
| <b>Tổng</b>              |                          |                | <b>NT</b>            | <b>NT</b>            | <b>NT</b>          | <b>NT</b>            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         |                          |                | <b>1.620.000.000</b> | <b>6.334.600.000</b> | <b>753.730.000</b> | <b>8.708.330.000</b> |

# Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

| Stt      | Người thực hiện giao dịch                             | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |               | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |               | Lý do tăng, giảm        |
|----------|---|--------------------------|---------------------------|---------------|----------------------------|---------------|-------------------------|
|          |   |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ         | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ         |                         |
| <b>1</b> | <b>Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung (PCT HĐQT)</b>            |                          | <b>14.844</b>             | <b>0,02%</b>  | <b>15.586</b>              | <b>0,02%</b>  | <b>Nhận cổ tức</b>      |
| 1.1      | Ông Âu Chí Toàn                                       | Chồng                    | 6.483                     | 0,01%         | 6.807                      | 0,01%         | Nhận cổ tức             |
| <b>2</b> | <b>Ông Puan Kwong Siing (Thành viên HĐQT, TGD)</b>    |                          | <b>10.100.757</b>         | <b>15,95%</b> | <b>8.531.414</b>           | <b>12,83%</b> | <b>Bán, nhận cổ tức</b> |
| 2.1      | Ông Puan Zuo Hong                                     | Con trai                 | 0                         | 0%            | 16.380                     | 0,02%         | Mua, nhận cổ tức        |
| 2.2      | Bà Kong Mee Ling                                      | Chị dâu                  | 1.586.308                 | 2,5%          | 1.882.343                  | 2,83%         | Mua, nhận cổ tức        |
| 2.3      | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD                  | Tổ chức liên quan        | 3.094.812                 | 4,89%         | 3.957.012                  | 5,95%         | Mua, nhận cổ tức        |
| 2.4      | Ông Eric Yee Kuok Enng                                | Anh rể                   | 200                       | 0,0003%       | 210                        | 0,0003%       | Nhận cổ tức             |
| 2.5      | Ông Bruce Ting Siaw Lung                              | Em rể                    | 9.310                     | 0,01%         | 9.775                      | 0,01%         | Nhận cổ tức             |
| 2.6      | Ông Puan Chiong                                       | Anh trai                 | 3.075.075                 | 4,86%         | 3.228.828                  | 4,86%         | Nhận cổ tức             |
| <b>3</b> | <b>Bà Nguyễn Thị Kim Hồng (Thành viên HĐQT, PTGD)</b> |                          | <b>33.101</b>             | <b>0,05%</b>  | <b>34.756</b>              |               | <b>Nhận cổ tức</b>      |
| 3.1      | Ông Nguyễn Văn Bớt                                    | Cha                      | 356                       | 0,001%        | 373                        | 0,001%        | Nhận cổ tức             |
| 3.2      | Nguyễn Thị Ngọc Thảo                                  | Mẹ                       | 356                       | 0,001%        | 373                        | 0,001%        | Nhận cổ tức             |
| 3.3      | Ông Võ Quang Lộc                                      | Chồng                    | 356                       | 0,001%        | 373                        | 0,001%        | Nhận cổ tức             |
| 3.4      | Ông Nguyễn Thanh Phong                                | Em trai                  | 356                       | 0,001%        | 373                        | 0,001%        | Nhận cổ tức             |
| 3.5      | Ông Nguyễn Văn Lợi                                    | Em rể                    | 139.790                   | 0,22%         | 146.779                    | 0,22%         | Nhận cổ tức             |
| <b>4</b> | <b>Bà Hà Nguyệt Nhi (Thành viên HĐQT)</b>             |                          | <b>4.781.166</b>          | <b>7,55%</b>  | <b>4.736.724</b>           | <b>7,12%</b>  | <b>Bán, nhận cổ tức</b> |
| 4.1      | Bà Vương Lục Muội                                     | Mẹ                       | 356                       | 0,001%        | 373                        | 0,001%        | Nhận cổ tức             |
| 4.2      | Ông Hà Vĩ Bân   | Anh                      | 34.538                    | 0,05%         | 36.264                     | 0,05%         | Nhận cổ tức             |

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty luôn cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật trong quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan nhằm đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ trong công tác quản lý, điều hành và công bố thông tin. Bên cạnh đó, Công ty tích cực cập nhật các quy định mới từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chức năng để áp dụng kịp thời vào hệ thống quản trị. Đặc biệt, với việc Thông tư 68/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 02/11/2024, yêu cầu các tổ chức niêm yết công bố thông tin song ngữ, Công ty đã chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đảm bảo tuân thủ quy định này một cách hiệu quả.

Bên cạnh việc tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty cũng chú trọng đến việc nâng cao năng lực quản trị thông qua việc tích cực tham gia các hội thảo, chương trình đào tạo do UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức. Đội ngũ chủ chốt và thành viên chuyên trách đã tham gia các chương trình tập huấn về huy động vốn trên thị trường chứng khoán, xử lý vi phạm hành chính, sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính, cũng như các hội thảo về quản trị công ty và trái phiếu xanh. Việc tham gia các chương trình này giúp nâng cao nhận thức về tuân thủ pháp luật, hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quản trị phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ngoài việc đảm bảo tính minh bạch trong công tác điều hành, Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công khai thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị theo đúng quy định. HĐQT, UBKT và Ban Điều hành thường xuyên tổ chức họp định kỳ để đánh giá hoạt động, đồng thời duy trì cơ chế công bố thông tin rõ ràng, kịp thời đến cổ đông và nhà đầu tư. Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, chi trả cổ tức và các quyền lợi khác của cổ đông đều được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

*Nhìn chung, việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty đã giúp nâng cao chất lượng quản lý và điều hành, góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư. Công ty cam kết tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, gia tăng tính minh bạch và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.*

## Giao dịch giữa Công ty với người hoặc tổ chức có liên quan của Công ty

**Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                   | Mối quan hệ liên quan với Công ty                       | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với Công ty | Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua  | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch   |
|-----|---------------------------------------|---|-------------------------------------|--|---------------------------------|--|--|
| 1   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Tổ chức liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                     |  | 17/08/2023                      | NQ số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16/08/2023  | Nội dung: Hợp đồng đóng phà cao tốc 3 thân.<br>Số lượng: 02 phà.<br>Giá trị: 5,15 triệu USD/phà.                                       |
| 2   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Tổ chức liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                     |  | 22/02/2023                      | NQ số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 21/02/2023  | Nội dung: Hợp đồng thanh lý phà Superdong PI, PII.<br>Số lượng: 02 phà.<br>Giá trị: 2,8 triệu USD.                                     |
| 3   | Bà Hà Nguyệt Nhi                      | Thành viên HĐQT   |                                     |  | 13/05/2022                      | NQ số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/03/2022  | Nội dung: Hợp đồng thuê văn phòng Hà Tiên.<br>Số lượng: 01 vp.<br>Giá trị: 11,5 triệu VNĐ/tháng.                                       |
| 4   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Tổ chức liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                     |  | 10/09/2022                      | NQ số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022  | Nội dung: Hợp đồng hoán cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII.<br>Số lượng: 04 tàu.<br>Giá trị: 4,6 triệu USD.                  |
| 5   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Tổ chức liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                     |  | 22/12/2019                      | NQ số 10/2019/NQ- HĐQT ngày 28/11/2019 và NQ số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 17/12/2019  | Nội dung: Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc.<br>Số lượng: 04 phà.<br>Giá trị: 280 tỷ đồng.<br>Giai đoạn 1: 2,8 triệu USD. |
| 6   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Tổ chức liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                     |  | 16/02/2018                      | NQ số 01/2018/NQ- HĐQT ngày 15/01/2018 và NQ số 02/2018/NQ- HĐQT ngày 06/02/2018 | Nội dung: Hợp đồng đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.<br>Số lượng: 01 phà.<br>Giá trị: 2,65 triệu USD.                        |

**Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát**

Không có

# PHẦN 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính



## Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG – KIÊN GIANG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(Đã được kiểm toán)

### NỘI DUNG

|                                      | Trang |
|--------------------------------------|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 02-03 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập            | 04    |
| Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  |       |
| Bảng cân đối kế toán                 | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 07    |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 08    |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính    | 09-33 |

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, và các lần sửa đổi, lần sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất (lần thứ 24) ngày 26/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại số 187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                          |              |
|--------------------------|--------------|
| Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch     |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó chủ tịch |
| Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên   |
| Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên   |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên   |
| Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên   |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên   |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| Ông Puan Kwong Siing   | Tổng Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán gồm:

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên |

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Phan Hồng Phúc – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Puan Kwong Siing – Tổng Giám đốc.

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Phó Tổng Giám đốc được ông Puan Kwong Siing ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy Ủy quyền ngày 01/10/2022.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Hồng**

Phó Tổng Giám đốc

*Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025*

Số: 250325.059/BCTC.FIS1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được lập ngày 25/03/2025, từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

*Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

**Đình Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số      | TÀI SẢN                                 | Thuyết minh | 31/12/2024             | 01/01/2024             |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
|            |   |             | VND                    | VND                    |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>              |             | <b>493.279.524.881</b> | <b>549.294.422.566</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và tương đương tiền</b>      | <b>3</b>    | <b>165.983.143.070</b> | <b>14.724.403.015</b>  |
| 111        | 1. Tiền                                 |             | 18.283.143.070         | 5.724.403.015          |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền           |             | 147.700.000.000        | 9.000.000.000          |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>    |             | <b>10.000.000.000</b>  | <b>199.103.287.671</b> |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn      | 4           | 10.000.000.000         | 199.103.287.671        |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> |             | <b>280.323.415.333</b> | <b>299.748.359.677</b> |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng     | 5           | 39.688.056.050         | 52.365.802.919         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn     | 6           | 212.997.431.967        | 213.556.454.617        |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác               | 7           | 27.637.927.316         | 33.826.102.141         |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                 |             | <b>29.658.826.257</b>  | <b>29.326.994.357</b>  |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                         | 8           | 29.658.826.257         | 29.326.994.357         |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>         |             | <b>7.314.140.221</b>   | <b>6.391.377.846</b>   |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn           | 9           | 2.643.358.116          | 2.683.162.278          |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ              |             | 4.670.782.105          | 3.708.215.568          |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>               |             | <b>405.442.611.223</b> | <b>348.105.416.666</b> |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>    |             | <b>805.000.000</b>     | <b>805.000.000</b>     |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                | 7           | 805.000.000            | 805.000.000            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>              |             | <b>358.930.187.631</b> | <b>338.789.867.348</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình             | 10          | 351.383.667.725        | 331.105.680.778        |
| 222        | - Nguyên giá                            |             | 789.078.036.624        | 724.913.511.245        |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                |             | (437.694.368.899)      | (393.807.830.467)      |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình              | 11          | 7.546.519.906          | 7.684.186.570          |
| 228        | - Nguyên giá                            |             | 9.756.532.581          | 9.756.532.581          |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                |             | (2.210.012.675)        | (2.072.346.011)        |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>     |             | <b>32.275.185.160</b>  | <b>1.442.491.889</b>   |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang      | 12          | 32.275.185.160         | 1.442.491.889          |
| <b>260</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>         |             | <b>13.432.238.432</b>  | <b>7.068.057.429</b>   |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn            | 9           | 13.432.238.432         | 7.068.057.429          |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                |             | <b>898.722.136.104</b> | <b>897.399.839.232</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(Tiếp theo)

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | 31/12/2024<br>VND      | 01/01/2024<br>VND      |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>14.386.286.552</b>  | <b>15.372.732.529</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>14.326.286.552</b>  | <b>15.312.732.529</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 13          | 1.588.280.073          | 1.670.619.650          |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          |             | 1.586.748.585          | 1.024.517.673          |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 14          | 1.514.668.635          | 2.606.531.009          |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 8.876.515.523          | 9.114.927.721          |
| 319        | 5. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 15          | 760.073.736            | 896.136.476            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>60.000.000</b>      | <b>60.000.000</b>      |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 15          | 60.000.000             | 60.000.000             |
| <b>400</b> | <b>D. NGUỒN VỐN</b>   |             | <b>884.335.849.552</b> | <b>882.027.106.703</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>16</b>   | <b>884.335.849.552</b> | <b>882.027.106.703</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     |             | 664.976.970.000        | 633.317.350.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 664.976.970.000        | 633.317.350.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 11.469.923.636         | 11.469.923.636         |
| 418        | 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 6.825.309.715          | 6.825.309.715          |
| 420        | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                              |             | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 199.063.646.201        | 228.414.523.352        |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 165.089.035.852        | 158.703.744.607        |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 33.974.610.349         | 69.710.778.745         |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>898.722.136.104</b> | <b>897.399.839.232</b> |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2024

| Mã số     | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND        | Năm 2023<br>VND        |
|-----------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>01</b> | <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>18</b>   | <b>381.114.192.796</b> | <b>409.409.403.099</b> |
| 02        | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           |             | -                      | -                      |
| <b>10</b> | <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |             | <b>381.114.192.796</b> | <b>409.409.403.099</b> |
| <b>11</b> | <b>4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>            | <b>19</b>   | <b>294.049.831.761</b> | <b>289.319.730.887</b> |
| <b>20</b> | <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   |             | <b>87.064.361.035</b>  | <b>120.089.672.212</b> |
| 21        | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 20          | 12.453.636.429         | 17.362.582.119         |
| 22        | 7. Chi phí tài chính                                      | 21          | 19.188.238             | 26.814.370             |
| 23        | Trong đó: Chi phí lãi vay                                 |             | -                      | -                      |
| 25        | 8. Chi phí bán hàng                                       | 22          | 43.993.044.811         | 45.438.146.531         |
| 26        | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 23          | 15.906.394.408         | 15.080.188.732         |
| <b>30</b> | <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        |             | <b>39.599.370.007</b>  | <b>76.907.104.698</b>  |
| 31        | 11. Thu nhập khác   | 24          | 2.001.127.372          | 6.328.415.671          |
| 32        | 12. Chi phí khác  | 25          | 240.813.002            | 688.402.235            |
| <b>40</b> | <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 |             | <b>1.760.314.370</b>   | <b>5.640.013.436</b>   |
| <b>50</b> | <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              |             | <b>41.359.684.377</b>  | <b>82.547.118.134</b>  |
| 51        | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                           | 26          | 7.385.074.028          | 12.836.339.389         |
| 52        | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                            |             | -                      | -                      |
| <b>60</b> | <b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                        |             | <b>33.974.610.349</b>  | <b>69.710.778.745</b>  |
| <b>70</b> | <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                       | <b>27</b>   | <b>511</b>             | <b>1.048</b>           |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND         | Năm 2023<br>VND         |
|--|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                         |                         |
| <b>01</b>  | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>41.359.684.377</b>   | <b>82.547.118.134</b>   |
|  | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |             |                         |                         |
| 02   | Khấu hao tài sản cố định   |             | 44.116.799.412          | 43.875.276.242          |
| 04   | (Lãi)/lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ          |             | 4.887.120               | (21.660.637)            |
| 05   | (Lãi) từ hoạt động đầu tư  |             | (10.187.447.185)        | (21.086.456.623)        |
| <b>08</b>  | <b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>            |             | <b>75.293.923.724</b>   | <b>105.314.277.116</b>  |
| 09   | (Tăng)/Giảm các khoản phải thu   |             | (7.380.579.531)         | 1.408.305.772           |
| 10   | (Tăng)/Giảm hàng tồn kho   |             | (331.831.900)           | 33.954.825              |
| 11   | Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)   |             | (88.624.012)            | 748.871.262             |
| 12   | (Tăng) chi phí trả trước   |             | (6.416.971.157)         | (900.769.963)           |
| 15   | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (8.284.173.368)         | (11.324.660.992)        |
| <b>20</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                         |             | <b>52.791.743.756</b>   | <b>95.279.978.020</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                         |                         |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác |             | (91.373.440.650)        | (94.637.768.663)        |
| 22   | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác         |             | 14.827.841.406          | 15.530.633.196          |
| 23   | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                      |             | (41.500.000.000)        | (271.003.287.671)       |
| 24   | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác              |             | 230.603.287.671         | 278.295.990.363         |
| 27   | 7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                           |             | 17.573.975.998          | 12.102.069.573          |
| <b>30</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>130.131.664.425</b>  | <b>(59.712.363.202)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                         |                         |
| 36   | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                   |             | (31.664.668.125)        | (31.664.668.124)        |
| <b>40</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                          |             | <b>(31.664.668.125)</b> | <b>(31.664.668.124)</b> |
| <b>50</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                       |             | <b>151.258.740.056</b>  | <b>3.902.946.694</b>    |
| <b>60</b>  | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                      | <b>3</b>    | <b>14.724.403.015</b>   | <b>10.821.490.950</b>   |
| 61   | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái                                       |             | (1)                     | (34.629)                |
| <b>70</b>  | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                     | <b>3</b>    | <b>165.983.143.070</b>  | <b>14.724.403.015</b>   |

(Đã ký)  
Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

(Đã ký)  
Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

(Đã ký)  
Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 170056108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/11/2007, và các lần sửa đổi, lần sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất (lần thứ 24) ngày 26/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 187 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 664.976.970.000 VND, tương đương 66.497.697 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là SKG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 316 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 323 người).

**Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

- Hai phà cao tốc theo hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao phà cao tốc bằng hợp kim nhôm với Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd được sử dụng để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá tại Cảng mở rộng thuộc tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, dự án xây dựng Cảng mở rộng đang được thi công xây dựng nên chưa có bến bãi để Công ty neo đậu phà. Ngoài ra, nhà cung cấp Kaibuok không thu phí neo đậu trong thời gian phà chưa về nước do hai phà đang trong quá trình hoàn thiện việc lắp đặt máy móc thiết bị. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 6.1).
- Bốn tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII đã có kế hoạch hoán cải theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HDQT ngày 01/9/2022 nhằm gia tăng năng suất và hoạt động của tàu. Tại ngày 31/12/2024, ba tàu cao tốc Superdong IX, XI và XII đã hoàn thành thực hiện hoán cải. Trong đó, tàu cao tốc Superdong IX và Superdong XII đã đi vào vận hành khai thác, tàu cao tốc Superdong XI đang được vận chuyển từ xưởng đóng tàu tại Malaysia về Việt Nam. Dự án hoán cải đối với tàu cao tốc Superdong X đang được triển khai thực hiện và đã hoàn thành hoán cải chuyển giao về Việt Nam trong tháng 01/2025 để phục vụ nhu cầu đi lại gia tăng của hành khách và vận chuyển hàng hoá mùa cao điểm du lịch hè 2025. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 6.2).
- Hai phà cao tốc 3 thân đóng mới cho dự án vận tải hành khách và hàng hoá tuyến Phan Thiết – Phú Quý và tuyến Vũng Tàu – Côn Đảo theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HDQT ngày 16/08/2023 đang trong quá trình lên kế hoạch triển khai. Thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 18 tháng và phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành việc đóng và lắp đặt máy móc thiết bị của các phà cũng như thời gian chuẩn bị bến bãi để nhập phà về nước hoạt động. Dự kiến phà cao tốc 3 thân sẽ đi vào hoạt động trong quý 3/2025 nhằm tận dụng làn sóng du lịch biển đảo được kỳ vọng phát triển theo hướng chất lượng cao, đẳng cấp khu vực và quốc tế. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 6.3).
- Tàu cao tốc đóng mới cho dự án vận tải hành khách và hàng hoá hai chiều giữa thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HDQT ngày 01/9/2022 được lên kế hoạch triển khai nhằm kết nối với tuyến chính Vũng Tàu – Côn Đảo. Tiến độ dự án chịu ảnh hưởng khách quan từ các quy định về điều kiện bến bãi cũng như các quy hoạch của các cơ quan chức năng Nhà nước về các khu bến cảng. Do đó, Công ty đang tạm dừng dự án để tập trung nguồn lực cho tuyến chính là Vũng Tàu – Côn Đảo.

- v. Dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng đã tạm dừng do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2021) làm gián đoạn quá trình triển khai và trong thời gian Công ty hoàn thiện các thủ tục pháp lý để xin gia hạn quyền sử dụng đất tại Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng nhằm được tiếp tục thực hiện dự án và để xin cấp phép xây dựng mới do giấy phép xây dựng ban đầu đã hết thời hạn thực hiện. Tại ngày 31/12/2024, Dự án đang được triển khai đối với các hạng mục công trình chưa được thực hiện còn lại. Dự kiến năm 2025 toàn bộ dự án sẽ hoàn thành. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 12).

### Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động trong cùng lĩnh vực nêu trên là:

| Chi nhánh                              | Địa chỉ   |
|--|---|
| Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh | Số 610 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh                                     |
| Chi nhánh Nam Du                       | Số 02 ấp Cù Tron, xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang  |
| Chi nhánh Sóc Trăng                    | Thửa đất số 102, 103, 104, tờ bản đồ số 47, ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng |
| Chi nhánh Phú Quý                      | Số 47 đường Ngô Quyền, thôn Triều Dương, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận                     |
| Chi nhánh Côn Đảo                      | Đường Trần Phú, khu 6, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu                            |

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.4 Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm (nếu có) căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

|  |                      |
|--|----------------------|
| ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc                   | 03 - 40 năm          |
| ▶ Máy móc, thiết bị                        | 02 - 10 năm          |
| ▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn           | 05 - 15 năm          |
| ▶ Thiết bị quản lý                         | 01 - 03 năm          |
| ▶ TSCĐ hữu hình khác                       | 02 - 05 năm          |
| ▶ Phần mềm quản lý vé và phần mềm máy tính | 03 - 10 năm          |
| ▶ Quyền sử dụng đất lâu dài                | Không trích khấu hao |
| ▶ TSCĐ vô hình khác                        | 02 - 03 năm          |

## 2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm;
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm;
- ▶ Chi phí trả trước khác (dịch vụ khác) được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng trả trước của từng loại dịch vụ.

## 2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại

ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

## 2.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### Doanh thu bán hàng

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.18 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### Ưu đãi thuế còn hiệu lực trong năm 2024

| Mô tả                                   | Dự án   | Thuế suất   |
|---|---|---|
| Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi | Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII   | Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế. |
| Các dự án đầu tư mới                    | Buýt Bãi vòng Đông Dương, Buýt Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Côn đảo I, II, Tàu Phú Quý I, II | Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo                   |

### Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Thuế suất áp dụng cho các thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế trong năm là 20%.

## 2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 Thông tin bộ phận

Toàn bộ doanh thu của Công ty đến từ hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa ven biển trên địa bàn các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. Tiền và tương đương tiền

|                                | 31/12/2024             | 01/01/2024            |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                | VND                    | VND                   |
| Tiền mặt                       | 215.814.000            | 1.069.024.878         |
| Tiền gửi ngân hàng             | 17.556.048.017         | 4.319.436.026         |
| Tiền đang chuyển               | 511.281.053            | 335.942.111           |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 147.700.000.000        | 9.000.000.000         |
|                                | <b>165.983.143.070</b> | <b>14.724.403.015</b> |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 147.700.000.000 VND, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,30%/năm đến 4,50%/năm.

## 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

|                        | 31/12/2024            | 01/01/2024             |
|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                        | VND                   | VND                    |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 10.000.000.000        | 199.103.287.671        |
|                        | <b>10.000.000.000</b> | <b>199.103.287.671</b> |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, có giá trị 10.000.000.000 VND, được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Điện Biên Phủ với lãi suất từ 4,50%/năm đến 4,70%/năm.

## 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                  | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| <b>Bên liên quan</b>             | <b>39.119.613.556</b> | <b>51.881.000.528</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*) | 39.119.613.556        | 51.881.000.528        |
| <b>Bên khác</b>                  | <b>568.442.494</b>    | <b>484.802.391</b>    |
| Các đối tượng khác               | 568.442.494           | 484.802.391           |
|                                  | <b>39.688.056.050</b> | <b>52.365.802.919</b> |

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2024 là khoản phải thu Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Shd tiền bán thanh lý hai phà Superdong PI, PII của dự án đầu tư mở rộng theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng Quản trị. Tại biên bản làm việc ngày 18/12/2024, hai bên đã thống nhất gia hạn thời gian thanh toán tiền bán thanh lý phà đến ngày 15/12/2025.

## 6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|   | 31/12/2024             | 01/01/2024             |
|---|------------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                    |
| <b>Bên liên quan</b>  | <b>211.106.377.527</b> | <b>212.719.989.875</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*)  | 211.106.377.527        | 212.719.989.875        |
| <b>Bên khác</b>   | <b>1.891.054.440</b>   | <b>836.464.742</b>     |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình | 369.010.000            | 165.560.000            |
| Công ty TNHH NakaShiMa Việt Nam   | 295.300.000            | -                      |
| Lion Sing Enterprise  | 227.250.240            | -                      |
| Các đối tượng khác  | 999.494.200            | 670.904.742            |
|   | <b>212.997.431.967</b> | <b>213.556.454.617</b> |

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

1) Ứng trước thực hiện hai hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm. Tiến độ các hợp đồng như sau:

- ▶ Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 với giá trị 45.118.413.549 VND: Phà đã hoàn thiện tuy nhiên chưa chuyển giao cho Công ty do Công ty chưa có bến bãi neo đậu;
- ▶ Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRP/12/19 với giá trị 53.325.741.326 VND: Phà đang trong quá trình hoàn thiện khâu lắp đặt máy móc thiết bị sau thời gian gián đoạn bởi dịch Covid-19 và Công ty chưa có bến bãi neo đậu phà.

Các khoản ứng trước của 2 hợp đồng trên đều được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2024. Ngoài ra, Công ty không phải chịu các chi phí phát sinh trong thời gian hai phà chưa vận chuyển về Việt Nam.

2) Ứng trước theo Hợp đồng số KS/SUP/RE No 9 to 12/09/2022 ngày 10/9/2022 với giá trị 24.081.425.652 VND để cung cấp dịch vụ hoán cải 4 tàu Superdong IX, X, XI, XII. Theo quy định, thời gian hoàn thành của mỗi tàu là không quá 06 tháng kể từ ngày tàu được bàn giao đến nhà máy tại Malaysia. Tại ngày 31/12/2024, 03 tàu cao tốc Superdong đã hoàn thành hoán cải.

Trong đó:

- ▶ Tàu cao tốc Superdong IX đã chuyển giao về Việt Nam và đưa vào vận hành kể từ ngày 01/05/2024 (Xem chi tiết tại Thuyết minh 10);
- ▶ Tàu cao tốc Superdong XII đã chuyển giao về Việt Nam và đưa vào vận hành kể từ ngày 05/03/2024 (Xem chi tiết tại Thuyết minh 10);
- ▶ Tàu cao tốc Superdong XI đang trong quá trình chuyển giao về Việt Nam (Xem chi tiết tại Thuyết minh 12).

Đồng thời, tàu Superdong X đã hoàn thành hoàn cải và chuyển giao về Việt Nam trong tháng 01/2025.

- 3) Ứng trước theo Hợp đồng số KS/SUPERDONG/TRIMARANROPAX/08/23 ngày 17/08/2023 với giá trị 88.580.797.000 VND để đóng phà cao tốc 3 thân mới cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý và tuyến Vũng Tàu – Côn Đảo. Thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 18 tháng và phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành việc đóng và lắp đặt máy móc thiết bị của các phà cũng như thời gian chuẩn bị bến bãi để nhập phà về nước hoạt động. Tại phụ lục 01 ngày 20/02/2025, Công ty và Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Shd đã thống nhất điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng từ 18 tháng thành 48 tháng.

## 7. Phải thu khác

|   | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| <b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>                          |                       |                       |
| Lãi tiền gửi dự thu   | 1.211.207.398         | 8.597.736.211         |
| Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên (*)                       | 24.214.019.671        | 24.214.019.671        |
| Tạm ứng nhân viên   | 845.000.000           | 890.000.000           |
| Ký cược, ký quỹ   | 27.000.000            | 6.000.000             |
| Phải thu tiền phạt chậm thanh toán (**)                     | 1.222.353.988         | -                     |
| Phải thu khác   | 118.346.259           | 118.346.259           |
|   | <b>27.637.927.316</b> | <b>33.826.102.141</b> |
| <b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                         |                       |                       |
| <b>Bên liên quan</b>  |                       |                       |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (**)                           | 1.340.700.247         | 118.346.259           |
| <b>Bên khác</b>   |                       |                       |
| Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên (*)                       | 24.214.019.671        | 24.214.019.671        |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang    | 479.126.027           | 4.098.597.260         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Điện Biên Phủ | 588.985.479           | 3.040.901.918         |
| Các đối tượng khác  | 1.015.095.892         | 2.354.237.033         |
|   | <b>27.637.927.316</b> | <b>33.826.102.141</b> |

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

- ▶ Khoản hoàn tiền trúng thầu với giá trị là 21.350.000.000 VND; và
- ▶ Lãi chậm trả ước tính của Công ty với giá trị là 2.864.019.671 VND.

Theo văn bản số 215/UBND-TCKH ngày 08/7/2019 của UBND thành phố Hà Tiên và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT ngày 04/09/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty và UBND thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng, bàn giao thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát sinh tháng 12 năm 2017. Bên cạnh đó, UBND thành phố Hà Tiên sẽ hoàn trả tiền trúng thầu cùng tiền lãi chậm trả cho Công ty.

Theo Văn bản số 109/CVTP-2023 ngày 04/12/2023 của Công ty gửi UBND Thành phố Hà Tiên và Văn bản số 886/UBND-VP ngày 21/12/2023 của UBND Thành phố Hà Tiên gửi Công ty, hai bên đã thống nhất phương án “Hủy kết quả trúng đất giá và hoàn trả tiền trúng đấu giá lại Công ty, cộng với lãi suất tính theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Nhà nước”.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các bên vẫn đang tiếp tục trao đổi để thống nhất về lãi suất áp dụng. Theo đó, lãi chậm trả phát sinh có thể thay đổi tùy theo kết quả làm việc giữa hai bên.

(\*\*) Số dư tại ngày 31/12/2024 số tiền 1.222.353.988 VND là tiền lãi chậm thanh toán của khoản phải thu khách hàng Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd (Xem thêm tại Thuyết minh 5 và Thuyết minh 24). Theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 28/12/2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty thông qua việc gia hạn thời gian thanh toán đợt 3 (đợt cuối) của hợp đồng thanh lý hai phà Superdong PI, PII của dự án đầu tư mở rộng từ tháng 12 năm 2023 sẽ được thực hiện trong quý 01 năm 2024. Đồng thời, Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd sẽ phải trả lãi suất chậm thanh toán cho khoản phải trả của đợt 3 là 3,5%/năm dựa trên tổng số ngày thanh toán trễ hạn cụ thể.

|   | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|---|--------------------|--------------------|
|   | VND                | VND                |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                    |                    |
| <b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>                          |                    |                    |
| Ký cược, ký quỹ   | 805.000.000        | 805.000.000        |
|   | <b>805.000.000</b> | <b>805.000.000</b> |
| <b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                         |                    |                    |
| <b>Bên liên quan</b>  |                    |                    |
| Bà Hà Nguyệt Nhi - Đặt cọc thuê văn phòng                   | 30.000.000         | 30.000.000         |
| <b>Bên khác</b>   |                    |                    |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng - Ký quỹ Dự án Trần Đề | 675.000.000        | 675.000.000        |
| Ông Văn Văn Tuấn - Đặt cọc thuê văn phòng                   | 100.000.000        | 100.000.000        |
|   | <b>805.000.000</b> | <b>805.000.000</b> |

## 8. Hàng tồn kho

|            | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|------------|-----------------------|-----------------------|
|            | VND                   | VND                   |
| Phụ tùng   | 23.327.302.997        | 22.396.281.523        |
| Dầu Do     | 1.215.790.200         | 1.577.612.162         |
| Nhiên liệu | 356.774.537           | 500.647.981           |
| Vật liệu   | 4.685.603.865         | 4.806.665.834         |
| Hàng hóa   | 73.354.658            | 45.786.857            |
|            | <b>29.658.826.257</b> | <b>29.326.994.357</b> |

## 9. Chi phí trả trước

|                                 | 31/12/2024            | 01/01/2024           |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                 | VND                   | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>              |                       |                      |
| Chi phí bảo hiểm                | 223.573.022           | 479.456.305          |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu | 1.065.784.484         | 978.454.460          |
| Chi phí trả trước khác          | 1.354.000.610         | 1.225.251.513        |
|                                 | <b>2.643.358.116</b>  | <b>2.683.162.278</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>               |                       |                      |
| Công cụ, dụng cụ                | 252.625.355           | 112.105.320          |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu | 8.553.177.521         | 2.385.944.521        |
| Tiền thuê đất trả trước (*)     | 3.896.677.659         | 3.989.271.975        |
| Chi phí trả trước khác          | 729.757.897           | 580.735.613          |
|                                 | <b>13.432.238.432</b> | <b>7.068.057.429</b> |

(\*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến Cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Xem chi tiết tại Thuyết minh 12) theo hợp đồng thuê đất được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 17.

## Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## 10. Tài sản cố định hữu hình

|                            | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tài sản cố định<br>hữu hình khác | Tổng                   |
|----------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------|
|                            | VND                       | VND                  | VND                                | VND                          | VND                              | VND                    |
| <b>Nguyên giá</b>          |                           |                      |                                    |                              |                                  |                        |
| Tại ngày 01/01/2024        | 67.923.669.056            | 1.250.157.802        | 653.912.069.018                    | 1.568.035.527                | 259.579.842                      | 724.913.511.245        |
| Tăng mới (Hoán cải (**))   | -                         | -                    | 64.164.525.379                     | -                            | -                                | 64.164.525.379         |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>67.923.669.056</b>     | <b>1.250.157.802</b> | <b>718.076.594.397</b>             | <b>1.568.035.527</b>         | <b>259.579.842</b>               | <b>789.078.036.624</b> |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                           |                      |                                    |                              |                                  |                        |
| Tại ngày 01/01/2024        | 9.297.382.002             | 1.071.045.987        | 382.075.385.091                    | 1.112.788.531                | 251.228.856                      | 393.807.830.467        |
| Khấu hao                   | 1.923.343.786             | 100.140.609          | 41.652.036.383                     | 202.666.668                  | 8.350.986                        | 43.886.538.432         |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>11.220.725.788</b>     | <b>1.171.186.596</b> | <b>423.727.421.474</b>             | <b>1.315.455.199</b>         | <b>259.579.842</b>               | <b>437.694.368.899</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                           |                      |                                    |                              |                                  |                        |
| Tại ngày 01/01/2024        | 58.626.287.054            | 179.111.815          | 271.836.683.927                    | 455.246.996                  | 8.350.986                        | 331.105.680.778        |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>56.702.943.268</b>     | <b>78.971.206</b>    | <b>294.349.172.923</b>             | <b>252.580.328</b>           | <b>-</b>                         | <b>351.383.667.725</b> |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.318.038.328 VND.

(\*\*) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng mới là giá trị của tàu Superdong IX và tàu Superdong XII đã hoàn thành hoàn cái và đi vào vận hành trong năm (Xem chi tiết tại Thuyết minh 6.2).



**11. Tài sản cố định vô hình**

|                            | Quyền sử dụng đất (*)<br>VND | Phần mềm máy tính<br>VND | Tài sản cố định vô hình khác<br>VND | Tổng<br>VND          |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                              |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2024        | 7.126.349.000                | 2.418.075.390            | 212.108.191                         | 9.756.532.581        |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>7.126.349.000</b>         | <b>2.418.075.390</b>     | <b>212.108.191</b>                  | <b>9.756.532.581</b> |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                              |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2024        | -                            | 1.888.689.433            | 183.656.578                         | 2.072.346.011        |
| Khấu hao trong năm         | -                            | 125.666.664              | 12.000.000                          | 137.666.664          |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>-</b>                     | <b>2.014.356.097</b>     | <b>195.656.578</b>                  | <b>2.210.012.675</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                              |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2024        | 7.126.349.000                | 529.385.957              | 28.451.613                          | 7.684.186.570        |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>7.126.349.000</b>         | <b>403.719.293</b>       | <b>16.451.613</b>                   | <b>7.546.519.906</b> |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.975.183.581 VND;

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài là các diện tích đất làm văn phòng của Công ty tại:

- ▶ Số 1F, đường Nguyễn Huỳnh Đức, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- ▶ Số 14, đường Tự Do, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- ▶ Số L4, lô 01, đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | 31/12/2024<br>VND     | 01/01/2024<br>VND    |
|---|-----------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định (Liên quan Thuyết minh 6)                       | 973.281.018           | 826.018.518          |
| Xây dựng cơ bản dở dang<br>(Công trình bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (*)) | 4.568.173.701         | 74.487.545           |
| Hoán cải tàu (Liên quan Thuyết minh 6.2)                                | 26.733.730.441        | 541.985.826          |
|   | <b>32.275.185.160</b> | <b>1.442.491.889</b> |

(\*) Thông tin chi tiết dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng:

Khởi công xây dựng từ tháng 1/2017 tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, dự án có tổng mức đầu tư 90 tỷ VND để đầu tư bến cảng (gồm các hạng mục: cầu cảng, kho, trụ sở, cơ sở dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ cho nhân viên, kinh doanh ăn uống, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các công trình phụ trợ khác). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, ghi tăng giá trị TSCĐ đối với các công trình nhà ga bán vé, nhà chờ và các công trình phụ trợ trong phạm vi nhà chờ; vận hành tàu đóng mới và khai thác với tần suất 14 chuyến/tháng/2 tàu. Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2021) làm gián đoạn quá trình thực hiện dự án, phần dự án chưa hoàn thiện được tạm dừng thi công trong thời gian Công ty xin gia hạn quyền sử dụng đất tại bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng để được tiếp tục thực hiện dự án đối với các hạng mục công trình còn lại và xin cấp phép xây dựng mới do giấy phép xây dựng ban đầu đã hết thời hạn thực hiện. Tại ngày 31/12/2024, Dự án đang được triển khai đối với các hạng mục công trình chưa được thực hiện. Dự kiến năm 2025 toàn bộ dự án sẽ hoàn thành.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | 31/12/2024           |                              | 01/01/2024           |                              |
|---------------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|
|                                       | Giá trị<br>VND       | Số có khả năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND       | Số có khả năng trả nợ<br>VND |
| <b>Bên liên quan</b>                  | <b>25.551.000</b>    | <b>25.551.000</b>            | <b>24.300.000</b>    | <b>24.300.000</b>            |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd          | 25.551.000           | 25.551.000                   | 24.300.000           | 24.300.000                   |
| <b>Bên khác</b>                       | <b>428.320.000</b>   | <b>428.320.000</b>           | <b>570.600.000</b>   | <b>570.600.000</b>           |
| Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang      | 251.020.000          | 251.020.000                  | 155.040.000          | 155.040.000                  |
| Doanh nghiệp Tư nhân Xăng dầu Phi Hải | 177.300.000          | 177.300.000                  | 415.560.000          | 415.560.000                  |
| Các đối tượng khác                    | 1.134.409.073        | 1.134.409.073                | 1.075.719.650        | 1.075.719.650                |
|                                       | <b>1.588.280.073</b> | <b>1.588.280.073</b>         | <b>1.670.619.650</b> | <b>1.670.619.650</b>         |

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | 01/01/2024           |                                 | 31/12/2024            |                      |
|----------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                            | Số phải nộp<br>VND   | Phát sinh<br>Số phải nộp<br>VND | Số đã nộp<br>VND      | Số phải nộp<br>VND   |
| Thuế giá trị gia tăng      | 338.099.821          | 11.887.638.785                  | 12.096.572.326        | 129.166.280          |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | 5.910.895.808                   | 5.910.895.808         | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.134.173.368        | 7.385.074.028                   | 8.284.173.369         | 1.235.074.027        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 112.439.927          | 3.613.195.875                   | 3.576.604.779         | 149.031.023          |
| Các loại thuế khác         | 21.817.893           | 44.103.801                      | 64.524.389            | 1.397.305            |
| Các khoản phải nộp khác    | -                    | 849.625.797                     | 849.625.797           | -                    |
|                            | <b>2.606.531.009</b> | <b>29.690.534.094</b>           | <b>30.782.396.468</b> | <b>1.514.668.635</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả khác

|                                      | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                      | VND                | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                   |                    |                    |
| Phải trả tiền cổ tức                 | 14.738.475         | 13.517.900         |
| Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN | 108.934.700        | 104.333.300        |
| Thù lao Hội đồng Quản trị            | 120.500.000        | 120.500.000        |
| Khác                                 | 515.900.561        | 657.785.276        |
|                                      | <b>760.073.736</b> | <b>896.136.476</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                    |                    |                    |
| Nhận ký quỹ, ký cược                 | 60.000.000         | 60.000.000         |
|                                      | <b>60.000.000</b>  | <b>60.000.000</b>  |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                            | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND          |
|----------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|------------------------|
|                            |                            |                          |                           |                             |                                       |                        |
| <b>Tại ngày 01/01/2023</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>190.369.612.107</b>                | <b>843.982.195.458</b> |
| Lợi nhuận năm trước        | -                          | -                        | -                         | -                           | 69.710.778.745                        | 69.710.778.745         |
| Phân phối lợi nhuận        | -                          | -                        | -                         | -                           | (31.665.867.500)                      | (31.665.867.500)       |
| <b>Tại ngày 01/01/2024</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>228.414.523.352</b>                | <b>882.027.106.703</b> |
| Lợi nhuận năm nay          | -                          | -                        | -                         | -                           | 33.974.610.349                        | 33.974.610.349         |
| Tăng vốn (*)               | 31.659.620.000             | -                        | -                         | -                           | -                                     | 31.659.620.000         |
| Phân phối lợi nhuận (*)    | -                          | -                        | -                         | -                           | (63.325.487.500)                      | (63.325.487.500)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>664.976.970.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>199.063.646.201</b>                | <b>884.335.849.552</b> |

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1B/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 với phương án trả cổ tức 5% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu. Thông tin chi tiết về phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu:

- ▶ Theo Văn bản số 4505/UBCK-QLCB ngày 19/07/2024 của UBCKNN, UBCKNN đã nhận được báo cáo số 84/BC-SKG ngày 10/07/2024 của Công ty về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, 3.165.962 cổ phiếu đăng ký phát hành bổ sung đã hoàn thành phân phối cho các cổ đông;
- ▶ Theo Nghị quyết số 5A/2024/NQ-HĐQT ngày 24/07/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Theo Nghị quyết số 5B/2024/NQ-HĐQT ngày 24/07/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty từ 633.317.350.000 VND lên 664.976.970.000 VND và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới (Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 26/07/2024).

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                             | 31/12/2024             |               | 01/01/2024             |               |
|-----------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
|                             | VND                    | %             | VND                    | %             |
| Kaibuok Shiyard (M) Sdn.Bhd | 39.570.120.000         | 5,95          | 30.948.120.000         | 4,89          |
| Puan Kwong Siing            | 85.314.140.000         | 12,83         | 101.007.570.000        | 15,95         |
| Puan Chiong                 | 32.288.280.000         | 4,86          | 30.750.750.000         | 4,86          |
| Ting Chek Hua               | 86.269.500.000         | 12,97         | 75.322.000.000         | 11,89         |
| Hà Nguyệt Nhi               | 47.367.240.000         | 7,12          | 47.811.660.000         | 7,55          |
| Khác                        | 374.167.690.000        | 56,27         | 347.477.250.000        | 54,87         |
|                             | <b>664.976.970.000</b> | <b>100,00</b> | <b>633.317.350.000</b> | <b>100,00</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|  | Năm 2024         | Năm 2023         |
|--|------------------|------------------|
|  | VND              | VND              |
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu                                |                  |                  |
| - Vốn góp đầu năm  | 633.317.350.000  | 633.317.350.000  |
| - Vốn góp tăng trong năm                                 | 31.659.620.000   | -                |
| - Vốn góp giảm trong năm                                 | -                | -                |
| - Vốn góp cuối năm                                       | 664.976.970.000  | 633.317.350.000  |
| Cổ tức, lợi nhuận  |                  |                  |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm                     | 13.517.900       | 12.318.524       |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm                   | 31.665.867.500   | 31.665.867.500   |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 31.665.867.500   | 31.665.867.500   |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền                 | (31.664.646.925) | (31.664.668.124) |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | (31.664.646.925) | (31.664.668.124) |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm                | 14.738.475       | 13.517.900       |

**d) Cổ phiếu**

|  | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|------------|
|  | Cổ phiếu   | Cổ phiếu   |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 66.497.697 | 63.331.735 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 66.497.697 | 63.331.735 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 66.497.697 | 63.331.735 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 66.497.697 | 63.331.735 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 66.497.697 | 63.331.735 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

- a) Công ty ký hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ ngày 24/02/2017 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng (theo hợp đồng trả tiền thuê đất một lần) tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 12). Diện tích thuê là 36.691,3 m<sup>2</sup> và thời hạn thuê đất từ ngày 21/02/2017 đến ngày 15/02/2067.
- b) Công ty ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê vị trí định kỳ theo quy định tại các hợp đồng này.

**Ngoại tệ các loại**

|     | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----|------------|------------|
| USD | 0,72       | 55.452,07  |

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                  | Năm 2024               | Năm 2023               |
|------------------|------------------------|------------------------|
|                  | VND                    | VND                    |
| Bán hàng hóa     | 820.585.192            | 769.086.003            |
| Cung cấp dịch vụ | 380.293.607.604        | 408.640.317.096        |
|                  | <b>381.114.192.796</b> | <b>409.409.403.099</b> |

**19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

|                                    | Năm 2024               | Năm 2023               |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | VND                    | VND                    |
| <b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b> | <b>294.049.831.761</b> | <b>289.319.730.887</b> |
| Giá vốn bán hàng hóa               | 387.748.915            | 492.216.066            |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ           | 293.662.082.846        | 288.827.514.821        |
| <b>a.2) Chi tiết theo yếu tố</b>   | <b>294.049.831.761</b> | <b>289.319.730.887</b> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu      | 153.446.836.753        | 155.537.202.841        |
| Chi phí nhân công                  | 52.971.242.936         | 50.669.820.273         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 43.270.569.084         | 42.603.161.217         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 26.280.605.033         | 24.170.449.779         |
| Chi phí khác bằng tiền             | 18.080.577.955         | 16.339.096.777         |
|                                    | <b>294.049.831.761</b> | <b>289.319.730.887</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | Năm 2024              | Năm 2023              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                    | 10.187.447.185        | 15.627.904.546        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 2.266.189.244         | 1.713.016.936         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm   | -                     | 21.660.637            |
|   | <b>12.453.636.429</b> | <b>17.362.582.119</b> |

**21. Chi phí tài chính**

|  | Năm 2024          | Năm 2023          |
|--|-------------------|-------------------|
|  | VND               | VND               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 14.301.118        | 26.814.370        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm   | 4.887.120         | -                 |
|  | <b>19.188.238</b> | <b>26.814.370</b> |

**22. Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm 2024              | Năm 2023              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nhân viên                | 15.599.061.338        | 14.482.666.028        |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | -                     | 23.310.833            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 314.336.124           | 293.222.849           |
| Chi phí hoa hồng, chiết khấu     | 19.493.910.433        | 21.695.865.251        |
| Chi phí bằng tiền khác           | 8.585.736.916         | 8.943.081.570         |
|                                  | <b>43.993.044.811</b> | <b>45.438.146.531</b> |

**Trong đó, mua vào từ Bên liên quan**

Xem chi tiết tại Thuyết minh 31

|  |                    |                    |
|--|--------------------|--------------------|
|  | <b>138.000.000</b> | <b>110.000.000</b> |
|--|--------------------|--------------------|

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Năm 2024              | Năm 2023              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nhân viên quản lý        | 10.779.584.633        | 10.103.186.865        |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 52.717.188            | 52.717.188            |
| Chi phí dụng cụ quản lý          | 21.644.875            | -                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 439.299.888           | 387.940.480           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.143.939.949         | 4.013.026.446         |
| Chi phí bằng tiền khác           | 1.469.207.875         | 523.317.753           |
|                                  | <b>15.906.394.408</b> | <b>15.080.188.732</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**24. Thu nhập khác**

|                                  | Năm 2024             | Năm 2023             |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                  | VND                  | VND                  |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định  | -                    | 5.458.552.077        |
| Thu nhập từ phạt chậm thanh toán | 1.222.353.988        | -                    |
| Thu nhập từ việc khách hủy vé    | 670.923.867          | 781.832.386          |
| Thu nhập khác                    | 107.849.517          | 88.031.208           |
|                                  | <b>2.001.127.372</b> | <b>6.328.415.671</b> |

**25. Chi phí khác**

|                        | Năm 2024           | Năm 2023           |
|------------------------|--------------------|--------------------|
|                        | VND                | VND                |
| Chi phí đền bù tàu XII | -                  | 455.282.687        |
| Chi phí khác           | 240.813.002        | 233.119.548        |
|                        | <b>240.813.002</b> | <b>688.402.235</b> |

**26. Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm 2024              | Năm 2023              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>41.359.684.377</b> | <b>82.547.118.134</b> |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế  | 22.467.506.077        | 20.544.468.961        |
| Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt hành chính                          | -                     | 186.903.758           |
| Thu nhập chịu thuế  | 63.827.190.454        | 103.278.490.853       |
| Chuyển lỗ từ kỳ trước   | -                     | (5.889.331.051)       |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>   | <b>63.827.190.454</b> | <b>97.389.159.802</b> |
| Thu nhập hoạt động được ưu đãi thuế   | 57.469.305.711        | 80.360.487.883        |
| Thu nhập hoạt động không được ưu đãi thuế                                   | 9.599.000.751         | 20.106.829.734        |
| Lỗ của các hoạt động được ưu đãi thuế (không bù trừ) chờ kết chuyển năm sau | (3.241.116.008)       | (3.078.157.814)       |
| Thuế TNDN đối với thu nhập ưu đãi (thuế suất 10%)                           | 5.465.273.878         | 8.814.973.442         |
| Thuế TNDN đối với thu nhập không được hưởng ưu                              | 1.919.800.150         | 4.021.365.947         |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>7.385.074.028</b>  | <b>12.836.339.389</b> |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm  | 2.134.173.368         | 622.494.971           |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm  | (8.284.173.369)       | (11.324.660.992)      |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>  | <b>1.235.074.027</b>  | <b>2.134.173.368</b>  |

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|  | Năm 2024       | Năm 2023       |
|--|----------------|----------------|
|  | VND            | VND            |
| Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 33.974.610.349 | 69.710.778.745 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông             | 33.974.610.349 | 69.710.778.745 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 66.497.697     | 66.497.697     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>511</b>     | <b>1.048</b>   |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành dựa trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28. Chi phí theo yếu tố**

|                                  | Năm 2024               | Năm 2023               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 153.521.198.816        | 155.613.230.862        |
| Chi phí nhân công                | 79.349.888.907         | 75.255.673.166         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 44.024.205.096         | 43.284.324.546         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 29.424.544.982         | 28.183.476.225         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 47.241.684.264         | 47.501.361.351         |
|                                  | <b>353.561.522.065</b> | <b>349.838.066.150</b> |

**29. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                      | Dưới 1 năm             | Từ 1 - 5 năm       | Tổng                   |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
|                                      | VND                    | VND                | VND                    |
| <b>31/12/2024</b>                    |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 165.767.329.070        | -                  | 165.767.329.070        |
| Phải thu khách hàng và Phải thu khác | 67.325.983.366         | 805.000.000        | 68.130.983.366         |
| Các khoản cho vay                    | 10.000.000.000         | -                  | 10.000.000.000         |
|                                      | <b>243.093.312.436</b> | <b>805.000.000</b> | <b>243.898.312.436</b> |
| <b>01/01/2024</b>                    |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 13.655.378.137         | -                  | 13.655.378.137         |
| Phải thu khách hàng và Phải thu khác | 86.191.905.060         | 805.000.000        | 86.996.905.060         |
| Các khoản cho vay                    | 199.103.287.671        | -                  | 199.103.287.671        |
|                                      | <b>298.950.570.868</b> | <b>805.000.000</b> | <b>299.755.570.868</b> |

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Dưới 1 năm           | Từ 1 - 5 năm      | Tổng                 |
|-----------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
|                                   | VND                  | VND               | VND                  |
| <b>31/12/2024</b>                 |                      |                   |                      |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 2.348.353.809        | 60.000.000        | 2.408.353.809        |
|                                   | <b>2.348.353.809</b> | <b>60.000.000</b> | <b>2.408.353.809</b> |
| <b>01/01/2024</b>                 |                      |                   |                      |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 2.566.756.126        | 60.000.000        | 2.626.756.126        |
|                                   | <b>2.566.756.126</b> | <b>60.000.000</b> | <b>2.626.756.126</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan                | Mối quan hệ  |
|------------------------------|--|
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd | Cổ đông  |
| Ông Phan Hồng Phúc           | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                               |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung     | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị                           |
| Ông Puan Kwong Siing         | Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc               |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng       | Thành viên Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc           |
| Ông Bùi Tiến Đức             | Thành viên Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Ủy ban kiểm toán   |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa         | Thành viên Hội đồng Quản trị/Thành viên Ủy ban kiểm toán |
| Bà Hà Nguyệt Nhi             | Thành viên Hội đồng Quản trị                             |
| Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi       | Thư ký Hội đồng Quản trị                                 |
| Bà Bùi Thị Hồng Đào          | Kế toán trưởng   |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

|  | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ứng trước tiền cho nhà cung cấp</b> | <b>81.289.964.418</b> | <b>92.617.195.000</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | 81.289.964.418        | 92.617.195.000        |
| <b>Hoán cải, nâng cấp TSCĐ</b>         | <b>82.903.576.766</b> | -                     |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | 82.903.576.766        | -                     |
| <b>Thanh lý tài sản cố định</b>        | -                     | <b>65.968.000.000</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | -                     | 65.968.000.000        |
| <b>Phải thu lãi chậm thanh toán</b>    | <b>1.222.353.988</b>  | -                     |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | 1.222.353.988         | -                     |
| <b>Mua dịch vụ</b>                     | <b>138.000.000</b>    | <b>110.000.000</b>    |
| Bà Hà Nguyệt Nhi (Cho thuê văn phòng)  | 138.000.000           | 110.000.000           |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Kế toán trưởng trong năm như sau:

|   | Năm 2024<br>VND      | Năm 2023<br>VND      |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b>                            | <b>2.270.540.000</b> | <b>2.166.870.000</b> |
| Ông Phan Hồng Phúc                                  | 480.000.000          | 404.480.000          |
| Bà Hà Nguyệt Nhi                                    | 446.370.000          | 478.520.000          |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung                            | 1.098.060.000        | 1.047.600.000        |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ (hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023) | -                    | 31.680.000           |
| Ông Tăng Siêu Tâm (hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023)    | -                    | 31.680.000           |
| Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi                              | 246.110.000          | 172.910.000          |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                            | <b>5.063.400.000</b> | <b>4.230.780.000</b> |
| Ông Puan Kwong Siing                                | 2.790.500.000        | 2.387.430.000        |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng                              | 2.272.900.000        | 1.843.350.000        |
| <b>Ủy ban kiểm toán và kế toán trưởng</b>           | <b>1.620.500.000</b> | <b>1.363.105.000</b> |
| Ông Bùi Tiến Đức                                    | 300.000.000          | 200.000.000          |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa                                | 240.000.000          | 160.000.000          |
| Bà La Xuân Đào (hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023)       | -                    | 31.680.000           |
| Bà Bùi Thị Hồng Đào                                 | 1.080.500.000        | 971.425.000          |
|   | <b>8.954.440.000</b> | <b>7.760.755.000</b> |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**33. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2025.

|  |                                    |                                       |
|--|------------------------------------|---------------------------------------|
| (Đã ký)                                  | (Đã ký)                            | (Đã ký)                               |
| Nguyễn Thị Kim Hồng<br>Phó Tổng Giám đốc | Bùi Thị Hồng Đào<br>Kế toán trưởng | Lâm Thị Ngọc Thương<br>Người lập biểu |

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2024**

Kiên Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHAN HỒNG PHÚC**

